**BÀI 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT.   
TÍNH CHẤT CỦA CHẤT**

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

* Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).
* Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.
* Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
* Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).
* Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.
* Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất.
* Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.

***2. Năng lực***

a) Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu về sự đa dạng của chất trong cuộc sống và tính chất của chất;

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về tính chất của chất, các quá trình chuyển đổi của chất; Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b) Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được sự đa dạng của chất ( chất có ở xung quanh ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh,…)

+ Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của ba thể (trạng thái) của chất (rắn, lỏng, khí) thông qua quan sát; Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hóa học)

+ Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể của chất: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản của ba thể của chất.

***3. Phẩm chất***

- Tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

- Trung thực, trách nhiệm trong nghiên cứu và học tập khoa học tự nhiên

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập khoa học tự nhiên

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

| Tiết | Hoạt động | Thiết bị dạy học và học liệu |
| --- | --- | --- |
| Tiết 1 | Sự đa dạng của chất | - Clip giới thiệu về khám phá thế giới ( hình ảnh vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo…)  - Giấy A3, bút dạ nhiều màu  - Phiếu học tập 1 |
| Các thể cơ bản của chất | Phiếu |
| Tiết 2 | Tính chất của chất | Bình cầu, nhiêt kế, đèn cồn  Cốc thuỷ tinh  Đũa thuỷ tinh  Bát sứ  Nước cất  Đường  Dầu ăn |
| Tiết 3 | Sự chuyển thể của chất |  |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  NHÓM:…….. | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Vật thể thự nhiên | Vật thể nhân tạo | Vật sống | Vật không sống |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| Em hãy kể tên các Chất tạo nên các vật thể trên. | | | |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  NHÓM: …… | | |
| --- | --- | --- |
| Các hoạt động | Cách tiến hành | Hiện tượng quan sát |
| Thí nghiệm 1 |  |  |
| Thí nghiệm 2 |  |  |
| Thí nghiệm 3 |  |  |
| Thí nghiệm 4 |  |  |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3  NHÓM: …… | | |
| --- | --- | --- |
| Các trường hợp | Tính chất vật lí | Tính chất hóa học |
| a/ Muối khô hơn khi đun nóng |  |  |
| b/ Đinh sắt bị gỉ khi để lâu trong không khí ẩm |  |  |
| c/ Nến cháy tạo thành khí cacbon dioxide và hơi nước |  |  |
| d/ Cơm nếp lên men tạo thành rượu |  |  |

**III. Tiến trình dạy học:**

***Tiết 1:***

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Quan sát nhanh – kết luận nhanh”***

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh bày tỏ được quan điểm cá nhân về vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, biết được chất tạo nên vật thể.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem clip giới thiệu về khám phá thế giới, Hs xem clip và hoàn thành nội dung phiếu học tập

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát clip để trả lời câu hỏi. Kết thúc clip sẽ kết thúc trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong clip để đưa ra nhận định nhanh kể tên các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo có trong đoạn video?  + Hãy chọn 3 vật thể trong video và cho biết chất nào tạo ra vật thể đó?  + Hãy so sánh sự giống nhau giữa vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo?  + Nêu ví dụ về vật sống và vật không sống.  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 2 phút sau khi kết thúc clip | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Thu phiếu học tập của các nhóm*** | - Nộp phiếu học tập |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Các em đã đưa ra nhận định của mình về vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh và vật hữu sinh. Bài học hôm nay chúng ra sẽ làm rõ vấn đề trên | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới:***

***Hoạt động 2: Tìm hiểu sự đa dạng của chất (15 phút)***

a. Mục tiêu: phân biệt được vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật hữu sinh và vật vô sinh; biết được chất tạo nên vật thể, . Từ đó nêu được khái niệm vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật hữu sinh và vật vô sinh

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Dựa vào phiếu học tập số 1 hãy hoạt động đôi để đưa ra các khái niệm về vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật hữu sinh và vật vô sinh | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về khái niệm về vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật hữu sinh và vật vô sinh.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận  🡪 ***+ Vật thể tự nhiên là vật thể có sẵn trong tự nhiên.***  ***+ Vật thể nhân tạo là những vật thể do con người tạo ra để phục vụ cho cuộc sống.***  ***+Vật thể hữu sinh (vật sống): là vật thể có đặc trưng sống.***  ***+ Vật thể vô sinh (Vật không sống) là vật thể không có các đặc trưng sống.***  + Yêu cầu hs sử dụng kiến thức đã kết luận để kiểm tra lại bài làm của nhóm mình đã chính xác chưa  + Yêu cầu hs làm phần luyện tập sgk | - Kết luận về khái niệm:    - Ghi kết luận vào vở  - Kiểm tra phiếu học tập 1 |

***Hoạt động 3: Các thể cơ bản của chất (20 phút)***

a. Mục tiêu: Học sinh nêu được các đặc điểm cơ bản của ba thể ( trạng thái) của chất.

b. Nội dung: GV sử dụng hoạt động thí nghiệm: Chia lớp ra thành 3 nhóm để thực hiện.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  Chia lớp thành các nhóm nhỏ. Mỗi nhóm đi đến các góc: góc tìm hiểu, góc khai thác  + *Góc tìm hiểu*: Quan sát hình 8.2, đọc thông tin và hoàn thành bảng sgk  D:\Giao an\GIÁO ÁN 6 CTST\12_45.png  + *Góc khai thác*:   * Tiến hành làm thí nghiệm và quan sát hiện tượng ghi vào PHT số 2  | Xilanh | Cách tiến hành | Hiện tượng | | --- | --- | --- | | 1 | - Cho 3 viên đá vào  - Nén 3 viên đá |  | | 2 | - Cho 10 ml nước lỏng vào  - Nén nước |  | | 3 | - Đun sôi 1 ống nghiệm chứa nước, thu hơi nước vào xilanh 3  - Nén hơi nước |  |   + Mỗi nhóm phân công 1 bạn quan sát và ghi kết quả  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm hoàn thành phiếu học tập và báo cáo. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời lần lượt 3 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác lắng nghe và trao đổi:  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về các thể của chất  🡪 ***Đặc điểm cơ bản ba thể của chất:***  ***\*Ở thể rắn***  ***- Các hạt liên kết chặt chẽ.***  ***- Có hình dạng và thể tích xác định.***  ***- Rất khó bị nén.***  ***\*Ở thể lỏng***  ***- Các hạt liên kết không chặt chẽ.***  ***-Có hình dạng không xác định, có thể tích xác định.***  ***- Khó bị nén.***  ***\*Ở thể khí/ hơi***  ***- Các hạt chuyển động tự do.***  ***- Có hình dạng và thể tích không xác định.***  ***- Dễ bị nén.***  + Yêu cầu hs thử làm một chuyên gia: Quan sát hình 8.3, đọc phần chú ý, giải thích vì sao nước đá, nước lỏng vf hơi nước lại có đặc điểm như trên  +Gv tổng kết, yêu cầu hs ghi thêm đặc điểm cấu tạo (các hạt…) | - Kết luận về đặc điểm cơ bản ba thể của chất - Ghi kết luận vào vở   * Hs trả lời |

***Tiết 2: Hoạt động 4: Nhận xét tính chất của chất (5 phút)***

a. Mục tiêu: HS nhận xét được đặc điểm của chất

b. Nội dung: Hs trả lời câu hỏi rút ra nhận xét

c. Sản phẩm: Các phiếu học tập

| Nhiệm vụ 1 | Nội dung cần thực hiện |
| --- | --- |
| Yêu cầu 1: Tìm hiểu về tính chất vật lí của nước ( nhiệt độ sôi, thể): thực hiện thí nghiệm 1 | - Lấy bình cầu chứa 150 ml nước cất có cắm nhiệt kế như hình 8.7.  - Đun nóng bình cầu bằng đèn cồn cho đến khi nước sôi  - Quan sát, nhiệt độ sôi, thể của nước. |
| Yêu cầu 2: Hoàn thành bảng 8.2  Ghi kết quả sự thay đổi nhiệt độ hiển thị trên nhiệt kế sau mỗi phút theo mẫu trong bảng 8.2. Trong suốt thời gian nước sôi nhiệt độ của nước có thay đổi không? | | Thời gian | Nhiệt độ | Thể của nước | | --- | --- | --- | | ? | ? | ? | |
| Kết luận: Tính chất vật lí của nước. | ……….. |

| Nhiệm vụ 2 | Nội dung cần thực hiện |
| --- | --- |
| Yêu cầu 1: Tìm hiểu về tính tan của một chất trong nước | - Hòa tan đường vào nước, và dầu ăn vào nước, khuấy đều. (H. 8.8)  - Quan sát hiện tượng. |
| Yêu cầu 2: Nêu hiện tượng quan sát được và rút ra kết luận. Điền bảng | …………….   | Thí nghiệm | Hòa tan đường vào nước | Hòa tan dầu ăn vào nước | | --- | --- | --- | | Kết luận | ? | ? | |
| Kết luận về tính tan của một chất trong nước? | …………… |

| Nhiệm vụ 3 | Nội dung cần thực hiện |
| --- | --- |
| Yêu cầu 1: Tìm hiểu về tính chất vật lí của đường. | - Quan sát, trạng thái, màu sắc, mùi, vị của đường.  - Hòa tan đường vào nước, khuấy đều. |
| Yêu cầu 2: Tìm hiểu về tính chất hóa học của đường. | * - Tiến hành thí nghiệm đun nóng đường trên ngọn lửa đèn cồn. * - Quan sát hiện tượng. |
| Kết luận về tính chất vật lí, hóa học của đường. | * ……………. |

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  **GV chia lớp thành 3 nhóm thực hiện dạy học nhóm thực hành thí nghiệm dùng kĩ thuật phòng tranh: chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ:**  Nhóm 1: Nhiệm vụ 1  Nhóm 2: Nhiệm vụ 2  Nhóm 3: Nhiệm vụ 3 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm nêu các hiện tượng quan sát được.  + Báo cáo kết quả và phiếu học tập số 3 | - HS trả lời câu hỏi |
| ***- Tổng kết:***  ***🡪 Mỗi chất đều có những tính chất xác định, dùng để phân biệt với chất khác.***  **+ Gv kết luận và chuyển ý: Những đặc điểm như thể, màu sắc, hình dạng…được gọi chung là tính chất của chất. Mỗi chất sẽ có những tính chất khác nhau. Chúng ta cùng tìm hiểu một số tính chất của chất trong phần sau** | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 5: Tìm hiểu một số tính chất của chất (35 phút)***

a. Mục tiêu: Hs tìm hiểu một số tính chất của chất, phân biệt tính chất vật lí và tính chất hóa học

b. Nội dung: Hs làm một số thí nghiệm để trả lời câu hỏi vào phiếu học tập

c. Sản phẩm: Các sản phẩm thí nghiệm

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** + GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và thư kí  + Mỗi nhóm HS có 1 bộ dung cụ và hóa chất và 1 phiếu học tập  GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ dụng cụ và hóa chất , 1 phiếu học tập .  . Gv Yêu cầu HS :  - Nhóm 1: quan sát các chất và cho biết thể , màu sắc của các chất ; độ cứng hoặc mềm của các chất than , đồng , nhôm , thử độ dẫn điện của than, đồng, nhôm  - Nhóm 2 : Thực hiện thí nghệm đun sôi nước ( trong bình cầu có gắn nhiệt kế) ghi kết quả thay đổi nhiệt độ sau mỗi phút .  - Nhóm 3 : dùng đũa thủy tinh khuấy đều đường và dầu ăn vào 2 cốc thủy tinh có nước bằng nhau . Quan sát hiện tượng . Nhận xét khả năng tan của đường và dầu ăn trong nước  - Nhóm 4 : Thổi hơi thở vào cốc đựng nước vôi trong số 2 ; Đun nóng đường trong chén sứ số 2 đến khi đường chuyển màu đen . So sánh với cốc nước vôi trong số 1 và chén sứ đường số 1 . | - Nhận nhiệm vụ |
| | ***- Báo cáo kết quả:***  Mỗi nhóm cử 1 HS đại diện lên trình bày kết quả . Kết quả dự kiến của HS như sau:   * Báo cáo kết quả và thảo luận:   Mỗi nhóm cử 1 HS đại diện lên trình bày kết quả . Kết quả dự kiến của HS như sau:  Nhóm 1   | chất |  | Nước | Nước đá | Đường | Dầu ăn | Than đá | Đồng | nhôm | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thể | Khí | Lỏng | Rắn | Rắn | Lỏng | Rắn | Rắn | Rắn | | Màu sắc | Không màu | Không màu | *Trắng* | Trắng | Vàng nhạt | đen | Đỏ | Trắng | | Cứng / mềm |  |  |  |  |  | Cứng | Mềm | Mềm | | dẫn điện |  |  |  |  |  | Không | có | có |   Nhóm 2   | **Thời gian** | **Nhiệt độ** | **Thể của nước** | **Quan sát hiện tượng trên mặt nước và trong lòng chất lỏng** | | --- | --- | --- | --- | | 1 phút | 60 | Lỏng | Không có gì | | 2 phút | 80 | Lỏng | Trên mặt nước có ít khói bay lên | | 3 phút | 95 | Lỏng | Trên mặt nước có hơi bay lên  Trong lòng chất lỏng có các bong bóng | | 4 phút | 100 | Lỏng | hơi bay lên nhiều  bong bóng bị bể , nước sôi mạnh | | 5 phút | 100 | Lỏng | hơi bay lên nhiều, nước sôi mạnh |   Nhóm 3   | Khuấy đều trong nước | Đường | Dầu ăn | | --- | --- | --- | | Hiện tượng | Không thấy đường | Dầu ăn nổi lên trên nước | | Nhận xét | Đường tan trong nước | Dầu ăn không tan trong nước, nhẹ hơn |   Nhóm 4   |  | Nước vôi trong số 1 | Nước vôi trong số 2 | Chén sứ đường số 1 | Chén sứ đường số 2 | | --- | --- | --- | --- | --- | | TN 1 | Trong | Đục |  |  | | TN 2 |  |  | Trắng | Đen | | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Sau khi các nhóm trình bày , GV bổ sung thêm tính dẻo của kim loại ( nhóm 1) , chỉnh sửa màu nước đá không màu ( nhóm 2) , khói khi đun nước là hơi nước bay hơi lên ( nhóm 3)  - Đặt vấn đề nhóm 2 : trong suốt thời gian nước sôi , nhiệt độ cuả nước có thay đổi không ? là bao nhiêu ? ........  🡪 kết luận điểm sôi của nước  -Nhóm 4 : Trong khi tiến hành TN quá trình nào đã xảy ra ? trong thực tế em đã gặp quá trình này chưa? Có tạo thành chất mới không ?  -Nhóm 3 : hãy chỉ ra quá trình nào thể hiện tính chất vật lý , tính chất hóa học của đường . | | |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào thực hiện thí nghiệm chính xác và phiếu học tập nêu hiện tượng đúng nhất. Khen ngợi học sinh.  +Yêu cầu học sinh rút ra kết luận về tính chất của chất:  ***Tính chất vật lí: không có sự tạo thành chất mới, bao gồm:***  ***+ Thể ( rắn, lỏng, khí)***  ***+ Màu sắc, mùi vị, hình dạng, kích thước, khối lượng riêng***  ***+ Tính tan trong nước hoặc trong chất lỏng khác***  ***+ Tính nóng chảy, sôi của một chất.***  ***+ Tính dẫn điện, dẫn nhiệt.***  ***Tính chất hóa học: Có sự tạo thành chất mới như***  ***+ Chất bị nhiệt phân hủy***  ***+ Chất bị đốt cháy.*** | - Học sinh lắng nghe |

***Tiết 3: Hoạt động 6: Sự chuyển hóa của chất***

a. Mục tiêu: học sinh biết được khái niệm về sự nóng chảy, sự bay hơi, sự sôi, sự ngưng tụ, sự đông đặc. Nắm được quá trình diễn ra sự chuyển thể đó.

b. Nội dung: GV cho các em nhóm chuyên gia nhắc lại thí nghiệm đã tiến hành.

Cho các em chơi trò chơi “ đuổi hình nêu sự chuyển đổi của chất”

c. Sản phẩm: bảng các sự chuyển đổi của chất qua trò chơi

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Nhóm chuyên gia nhắc lại các hiện tượng quan sát trong các thí nghiệm trước. Sau đó các em hãy thảo luận đôi để rút ra các khái niệm về sự chuyển hóa của chất: sự nóng chảy, sự bay hơi, sự sôi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.  + Cho các em quan sát hình vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên  D:\Giao an\GIÁO ÁN 6 CTST\screenshot_32_50.png  Yêu cầu các em thảo luận nhóm và mô tả sự thay đổi trạng thái của nước trong tự nhiên. Qua đó các em rút ra kết luận gì về sự thay đổi trạng thái của các chất trong tự nhiên.  \*Em hãy lấy ví dụ trong cuộc sống tương ứng với mỗi quá trình chuyển thể: nóng chảy, đông đặc, bay hơi, sôi và ngưng tụ. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết  + Gv yêu cầu HS ghi ý kiến cá nhân vào bảng nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn và thống nhất ý kiến chung cả nhóm. | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm  +GV nhận xét về khả năng trình bày rõ ràng, chính xác, đầy đủ của các nhóm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về sự chuyển đổi trạng thái của các chất trong tự nhiên.  ***Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất***  ***Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất***  ***Sự bay hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể hơi của chất***  ***Sự sôi là quá trình bay hơi xảy ra trong lòng và cả trên mặt thoáng của chất lỏng.***  ***Sự sôi là trường hợp dặc biệt của sự bay hơi.***  ***Sự ngưng tụ là quá trình chuyển từ thể khí sang thể lỏng của chất***  + yêu cầu hs trả lời câu hỏi tình huống: Có ý kiến cho rằng khi sôi thì nước bay hơi, vì vậy khi nhiệt độ của nước chưa đạt 100 oC thì nước chưa bay hơi  *\* Chú ý*  *- Ở điều kiện thích hợp, chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.*  *- Sự nóng chảy, sôi, đông đặc xảy ra tại nhiệt độ xác định.*  *- Sự bay hơi và ngưng tụ xảy ra tại mọi nhiệt độ.* | - Kết luận về vai trò của khoa học tự nhiên  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 6: Thực hành sự chuyển đổi của chất (25 phút)***

a. Mục tiêu: học sinh tiến hành được các thí nghiệm thực hành về sự chuyển đổi của chất

b. Nội dung: Hs tự đề xuất các dụng cụ thí nghiệm để kiểm chứng về sự chuyển đổi của chất

c. Sản phẩm: Bảng thu hoạch của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Mỗi nhóm hãy đề xuất những dụng cụ cần thiết để tiến hành thí nghiệm; nêu cách tiến hành thí nghiệm.  + Các nhóm nhận dụng cụ, nhóm trưởng giao nhiệm vụ cụ thể từng cá nhân trong nhóm, thư kí viết lại các hiện tượng quan sát, cả nhóm từ đó hoàn thành bài thu hoạch.  + Thí nghiệm 4: Làm nóng chảy nến:  Bước 1: Cắt nhỏ một mẫu nến màu vàng vào bát sứ  Bước 2: Đun nóng bát sứ trên ngọc lửa đèn cồn  Bước 3: Sau khi nến chuyển sang thể lỏng, tắt đèn cồn, để nguội.  + Thí nghiệm 5: Đun sôi và làm lạnh nước:  Bước 1: Lấy một lượng nhỏ nước cho vào cốc thủy tinh chịu nhiệt  Bước 2: Đun sôi nước trong cốc thủy tinh trên ngọn lửa đèn cồn  Bước 3: Quan sát hiện tượng trên bề mặt thoáng của nước  Bước 4: Đặt 1 bình cầu đáy tròn chứa nước lạnh trên miệng cốc thủy tinh.  Quan sát những hiện tượng hoàn thành bài thu hoạch.   | Tên Thí nghiệm | Cách tiến hành | Hiện tượng quan sát | Nhận xét, kết luận | | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  | |  |  |  |  | | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm thí nghiệm |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm báo cáo bài thu hoạch của nhóm mình đã thực hiện | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào tiến hành các thao tác thực hành thí nghiệm đầy đủ, chính xác, dựa vào bài thu hoạch, trình bày kết quả, vệ sinh khu vực thực hành của nhóm.  GV nhận xét và đánh giá các nhóm.  GV thông báo và cho các em rút ra kiến thức:  Nhiệt độ mà ở đó một chất rắn bắt đầu chuyển thành chất lỏng gọi là nhiệt độ nóng chảy hay điểm nóng chảy. Với chất lỏng, nhiệt độ nóng chảy cũng là nhiệt độ đông đặc. Nhiệt độ mà ở đó một chất lỏng bắt đầu sôi để chuyển sang thể khí gọi là nhiệt độ sôi hay điểm sôi. Các chất khác nhau có nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ đông đặc, nhiệt độ sôi khác nhau. | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 7: Luyện tập (15 phút)***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung:

-Hs làm các bài tập

-Hs làm bản đồ tư duy về chủ đề 2: Sự đa dạng và tính chất của chất để hệ thống lại kiến thức.

c. Sản phẩm: Bản đồ tư duy của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Yêu cầu các em HS hoàn thành bài tập ở bảng phụ:  Bài tập 1: Cho các từ sau: *vật lí; chất; sự sống; không có; rắn, lỏng, khí; tự nhiên/ thiên nhiên; tính chất; thể/ trạng thái; vật thể nhân tạo****.***Hãy chọn từ/ cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:  a) Các chất có thể tổn tại ở ba (1) **. . .** cơbản khác nhau, đó là (2) **. . .**  b) Mỗi chất có một số (3) **. . .** khác nhau khi tồn tại ở các thể khác nhau**.**  c) Mọi vật thể đều do (4) **. . .** tạo nên**.** Vật thể có sẵn trong (5) **. . .** được gọi là vật thể tự nhiên; Vật thê’ do con người tạo ra được gọi là (6) **. . .**  d) Vật hữu sinh là vật có các dấu hiệu của (7) **. . .** mà vật vô sinh (8) **. . .**  e) Chất có các tính chất (9) **. . .** như hình dạng, kích thước, màu sắc, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính cứng, độ dẻo**.**  f) Muốn xác định tính chất (10) **. . .** ta phải sử dụng các phép đo**.**  Bài 2: Dãy gồm các tính chất đều thuộc tính chất vật lý là:  A. Sự cháy, khối lượng riêng  B. Nhiệt độ nóng chảy, tính tan  C. Sự phân hủy, sự biến đổi thành chất khác  D. Màu sắc, thể rắn – lỏng – khí  Bài 3: Hiện tượng vật lý là  A. Đốt que diêm  B. Nước sôi  C. Cửa sắt bị gỉ  D. Quần áo bị phai màu  Bài 4: Quá trình thể hiện tính chất hóa học của muối ăn (sodium chloride) là  A. Hòa tan muối vào nước  B. Rang muối tới khô  C. Điện phân dung dịch để sản xuất sodium hydroxide trong công nghiệp  D. Làm gia vị cho thức ăn  Bài 5. Tính chất nào sau đây là tính chất hoá học của khí carbon dioxide?  A. Chất khí, không màu.  B. Không mùi, không vị.  C. Tan rất ít trong nước.  D. Làm đục dung dịch nước vôi trong (dung dịch calcium hydroxide) .  GV yêu cầu các nhóm hoàn thành bản đồ tư duy hệ thống lại nội dung kiến thức. | - Nhận nhiệm vụ:  HS hoàn thành:  a) Các chất có thề tổn tại ở ba (1) thể/ trạng thái cơ bản khác nhau, đó là (2) rắn, lỏng, khí**.**  b) Mỗi chất có một số (3) tính chất khác nhau khi tổn tại ở các thề khác nhau**.**  c) Mọi vật thể đểu do (4) chất tạo nên**.** Vật thể có sẵn trong (5) tự nhiên/ thiên nhiên được gọi là vật thể tự nhiên; Vật thê’ do con người tạo ra được gọi là (6) vật thể nhân tạo**.**  d) Vật hữu sinh là vật có các dấu hiệu của (7) sự sống mà vật vô sinh (8) không có**.**  e) Chất có các tính chất (9) vật lí như hình dạng, kích thước, màu sắc, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính cứng, độ dẻo**.**  f) Muốn xác định tính chất (10) vật lí ta phải sử dụng các phép đo**.** |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm bài tập và hoàn thành bản đồ tư duy. |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm treo bản đồ tư duy lên bảng. GV đánh giá. | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào thực hiện được nhiều hoạt động được giao. Khen ngợi học sinh hoàn thành nhanh và chính xác, nhận xét các nhóm thực hiện chưa tốt. | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 5: Vận dụng (5 phút)***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các em HS giúp các em liên hệ những vấn đề trong cuộc sống.

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi: Giải thích các hiện tượng thực tế theo các đặc điểm thể của chất  1**.** Tại sao vật liệu dùng xây nhà, làm cầu đường ở thể rắn?  2**.** Tại sao vận chuyển dầu thô (thể lỏng) từ biển vào đất liền bằng cách đóng thùng?  3**.** Tại sao bơm được nước qua đường ống dẫn?  4**.** Tại sao mở lọ nước hoa chúng ta có thể ngửi thấy mùi nước hoa ở các phía khác nhau?  5**.** Tại sao có thể rèn luyện con dao (bằng sắt) rất mảnh và sắc?  6**.** Tại sao người thợ có thể tạo ra các đồ thủy tinh có hình thù khác nhau?  7**.** Tại sao ta có thể đi trên mặt nước bị đóng băng?  60 Phút Thời Gian Đồng Hồ Cát Cao 24 Cm Sáng Tạo Cát Thủy Tinh Hẹn Giờ  Sandglass Cát Vàng Trang Trí Nhà Reloj De Đấu Trường|reloj de arena|glass  sand timersand timer -  Câu 2: Cát mịn có thể chảy được qua phần eo rất nhỏ của đồng hồ cát. Khả năng chảy của cát mịn giống với nước lỏng.  a) Em hãy cho biết bề mặt cát và bề mặt nước đựng trong cốc có gì khác nhau.  b) Hạt cát có hình dạng riêng không?  c) Cát ở thể rắn hay thể lỏng? | - Nhận nhiệm vụ   * Dự kiến câu trả lời:   1. Vật liệu xây nhà ở thể rắn vì đặc điểm của thể rắn là có hình dạng cố định và không bị nén**.**  2. Dầu thô đóng thùng do đặc điểm của thể lỏng là không có hình dạng xác định**.**  3. Nước từ nhà máy nước được dẫn đến các hộ dân qua các đường ống thể hiện tính chất chảy và lan truyền được của chất ở thể lỏng**.**  4. Khi mở lọ nước hoa, một lát sau có thể ngửi thấy mùi nước hoa**.** Điều này thể hiện khả năng lan toả trong không gian theo mọi hướng của chất ở thể khí**.**  5. Do chất sắt có thể ở cả thể rắn và lỏng**.**  6. Do chất thủy tinh có thể ở cả thể rắn và lỏng**.**  7. Vì nước đóng băng ở thể rắn có hình dạng cố định và không bị nén**.**  a) Bề mặt nước ngang song song với bề mặt để đồng hồ. Còn bề mặt cát không cố định.  b) Hạt cát ở thể rắn, có hình dạng riêng, cố định.  c) Cát ở thể rắn. |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Thực hiện tốt các bước trong quá trình thực hành thí nghiệm. |  |  |  |  |
| Có lắng nghe, có phản hồi, nêu được các ý kiến trong quá trình giao tiếp, hợp tác khi thực hiện các hoạt động nhóm. |  |  |  |  |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 2**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

Hệ thống hoá được kiến thức về chất, các thể cơ bản của chất, vật thể.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được cách giải bài tập hợp lí và sáng tạo.

- Năng lực khoa học tự nhiên

Hệ thống hóa được kiến thức về chất, các thể cơ bản của chất, vật thể.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, kiên nhẫn thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop.

- Bảng nhóm, bút dạ.

- Phiếu học tập.

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 NHÓM:…….. |
| --- |
| Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất  **Câu 1:** Quá trình nào sau đây ***không*** thể hiện tính chất hóa học của chất?  A. Rượu để lâu ngày trong không khí thường bị chua.  B. Sắt để lâu này trong môi trường không khí bị gỉ.  C. Nước để lâu trong không khí bị biến mất.  D. Đun dầu ăn trên chảo quá nóng sinh ra chất có mùi khét.  **Câu 2:** Tính chất nào sau đây ***không*** phải tính chất vật lí của cồn?  A. Là chất lỏng, không màu.  B. Có thể hòa tan được một số chất.  C. Tan nhiều trong nước.  D. Cháy được trong oxygen sinh ra khí carbon dioxide và nước.  **Câu 3:** Với cùng một chất, nhiệt độ nóng chảy cũng chính là:  A. Nhiệt độ sôi. B. Nhiệt độ đông đặc.  C. Nhiệt độ hóa hơi. D. Nhiệt độ ngưng tụ.  **Câu 4:** Trường hợp nào sau đây không phải là sự ngưng tụ?  A. Nước đọng trên lá cây vào buổi sáng sớm.  B. Nước bám bên ngoài tủ lạnh khi độ ẩm cao.  C. Nước đọng từng giọt trên lá cây sau khi tưới cây.  D. Nước bám dưới nắp nồi khi nấu canh.  **Câu 5:** Hiện tượng nào sau đây ***không*** phải là sự nóng chảy?  A. Mỡ lợn tan ra khi đun nóng.  B. Thiếc hàn tan ra khi đưa máy hàn có nhiệt độ cao vào.  C. Cho viên đá vôi (calcium carbonate) vào dung dịch hidrochloric acid thì nó bị tan dần ra.  D. Cho nhựa thông vào bát sứ nung nóng, nó tan ra thành chất lỏng có màu cánh gián. |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 NHÓM:…….. |
| --- |
| Hãy chỉ ra đâu là vật thể, đâu là chất?  a. Ống dẫn nước được làm từ nhựa PVC.  b. Đến mùa khai thác, cây cao su cho nhiều mủ cao su.  c. Bánh đa, bánh quy được làm từ sắn, lúa gạo có chứa nhiều tinh bột.  d. Áo, quần may bằng sợi tơ tằm mặc mát hơn áo, quần may bằng nilon. |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 NHÓM:…….. |
| --- |
| **Câu 1:** (1,5 điểm) Em hãy giải thích tại sao cốc nước đá đặt trên bàn sau một thời gian lại có nước đọng bên ngoài thành cốc?  **Câu 2:** (2,0 điểm) Hằng ngày sau khi mẹ giặt đồ, em thường giúp mẹ phơi quần áo. Mẹ thường nhắc em phải treo đồ không quá gần nhau và treo nơi thoáng gió. Em hãy giải thích tại sao mẹ lại nhắc em như vậy?  **Câu 3:** (2,0 điểm) Khi làm muối từ nước biển, người dân làm muối dẫn nước biển vào các ruộng muối. Nước biển bay hơi,người ta thu được muối. Theo em, thời tiết như thế nào thì thuận lợi cho nghề làm muối? Giải thích? |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Hệ thống hóa kiến thức***

**Hoạt động 1: Vẽ sơ đồ tư duy**

1. Mục tiêu: Hệ thống hóa được kiến thức về chất, các thể cơ bản của chất và vật thể.
2. Nội dung: GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về chất, các thể cơ bản của chất và vật thể.
3. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy hoàn thiện.
4. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| **- Giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu sơ đồ tư duy bị khuyết chữ để học sinh hoàn thiện nội dung. | Nhận nhiệm vụ. |
|  | |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  **+** GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm có 3 phút để chỉnh sửa lại sơ đồ tư duy của mình, 2 phút để trình bày ý tưởng và 5 phút để phản biện, nhận xét các nhóm khác.  + Hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề. | Các nhóm tiến hành vẽ sơ đồ tư duy. |
| **- Báo cáo kết quả:**  **+** Các nhóm lên trình bày sơ đồ tuy duy của mình.  + Mời các nhóm khác nhận xét.  **+** Giáo viên nhận xét sau khi các nhóm khác đã có ý kiến bổ sung. | - Nhóm được chọn lên trình bày ý tưởng.  - Các nhóm khác nhận xét phần trình bày của nhóm bạn. |
| **- Tổng kết:**  Tổng hợp lại kiến thức từ sơ đồ tư duy của các em | Vẽ sơ đồ tư duy vào vở |
|  | |

***B. Bài tập***

**Hoạt động 2: Hướng dẫn giải bài tập**

a. Mục tiêu: Định hướng cho HS giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề.

b. Nội dung: GV hướng dẫn cho HS giải bài tập trong SGK.

c. Sản phẩm: Hoàn thành bài tập SGK.

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| **- Giao nhiệm vụ:** GVchia lớp thành 4 nhóm. Phổ biến luật chơi *“Chúng ta là một đội”*, có 3 vòng chơi: | Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**  **⮚Vòng 1: Tiếp sức**  - Đại diện các nhóm nhận Phiếu học tập số 1.  - Cứ 1 phút Phiếu học tập được chuyển sang hai thành viên kế tiếp (nhóm cặp đôi), HS ghi đáp án vào bảng phụ.  - Sau 5 phút, HS ngừng hoạt động đem bảng phụ treo lên bảng lớn để cho cả lớp cùng nhận xét và chấm điểm.  **⮚Vòng 2: Một chọi ba**  - GV chia bảng thành 4 phần và bốc thăm.  - Thành viên có cùng số thứ tự của mỗi đội tham gia cuộc thi.  - HS nhận câu hỏi và trình bày bài giải lên bảng trong 5 phút (Phiếu học tập số 2).  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung. ⮚ Vòng 3: Về đích - Các đội cùng hoàn thành bài tập chung của nhóm trong 10 phút, trình bày phần bài làm vào bảng nhóm (Phiếu học tập số 3).  - GV chọn nhóm có bài làm tốt nhất, cử đại diện trình bày trước lớp. Các nhóm còn lại đổi chéo cho nhau để cùng kiểm tra kết quả.  - Các nhóm nhận xét. | Lắng nghe, ghi nhớ. |
| **- Tiến hành trò chơi**  + GV phát các phiếu học tập.  + GV theo dõi, nhắc nhở HS. | HS các nhóm nhận nhiệm vụ, tích cực tham gia, hỗ trợ lẫn nhau cùng học tập. |
| **- Tổng kết, chấm điểm**  *+ Vòng 1:* Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm. Tổng cộng 2,5 điểm.  + *Vòng 2:* Nhóm hoàn thành nhanh và chính xác nhất được 2,0 điểm, các nhóm còn lại được 1,5 ; 1,0 và 0,5 điểm.  + *Vòng 3*: Giải thích đúng được 5,5 điểm.  🡪 Tổng cộng: 10 điểm  GV công bố tổng điểm, nhận xét, tuyên dương và trao phần thưởng cho đội đoạt giải nhất và nhì. | HS lắng nghe nhận xét của GV |

## Hoạt động 3: Vận dụng

1. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế
2. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi về chất, các thể của chất, vật thể.
3. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh
4. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi: 1. **Tại sao sấy tóc lại làm cho tóc mau khô?** 2. Sương mù thường có vào mùa lạnh hay mùa nóng? Tại sao khi Mặt Trời mọc sương mù lại tan?  3. Khi trời lạnh, chúng ta thấy mỡ đóng thành ván. Khi đun nóng, các ván mỡ này tan chảy. Nếu tiếp tục đun quá lửa, mỡ sẽ cháy khét. Hãy chỉ ra quá trình nào thể hiện tính chất vật lí, tính chất hóa học. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Hoàn thành sơ đồ tư duy |  |  |  |  |
| Tham gia trả lời các câu hỏi trong trò chơi |  |  |  |  |

**BÀI 11: OXYGEN**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Tính chất của oxi

- Tầm quan trọng của oxi đối với sự sống,sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+  Chủ động, tích cực tìm hiểu về tính chất và ứng dụng của oxygen trong cuộc sống;

+ Hoạt động nhóm một cách hiệu quả, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

+ Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

-Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nêu được một số tính chất của oxygen; Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu;

+ Làm thí nghiệm tìm hiểu vai trò oxygen đối với sự cháy;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tính chất của oxygen giải thích các hiện tượng liên quan đến thực tế.

***3. Phẩm chất***

+ Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân;

+ Cẩn thận, khách quan và trung thực trong học tập

+ Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip(hình ảnh) về vai trò của oxi đối với sự sống,hình ảnh thí nghiệm sự cháy của oxi

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu,poster

- Phiếu học tập

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  NHÓM:…….. |
| --- |
| 1. Em hãy cho biết khí oxi tồn tại ở đâu?  2. Thường xuyên hít khí oxi trong không khí, em có cảm nhận được màu, mùi, vị của oxi không?  3. Tại sao ở đám nuôi tôm thường lắp đặt hệ thống quạt khí ? |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  NHÓM: …… |
| --- |
| 1. Con người có thể ngừng hoạt động hô hấp không ? Vì sao ?  2. Em hãy tìm hiểu và cho biết bệnh nhân nào phải sử dụng bình khí oxi để thở ?  3. Bình khí nén là bình tích trữ không khí được nén ở một áp suất nhất định. Tại sao thợ lặn cần sử dụng bình khí nén ? |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: Chơi trò chơi “đoán ý đồng đội”***

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh tìm hiểu về oxi

b. Nội dung: GV chiếu hình ảnh từ khóa về vai trò của oxi,HS xem từ khóa mô tả từ khóa để đồng đội mình đoán ý trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát hình ảnh và từ khóa để diễn tả và giải mã từ khóa. Kết thúc trò chơi ,đánh giá quá trình thực hiện của HS và trao phần thưởng( nếu hoàn thành tốt) | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Một HS quan sát hình ảnh và từ khóa trên màn hình,ghi nhớ và diễn tả lại cho đồng đội của mình biết  + HS còn lại đoán ý và giải mã từ khóa  + Thời gian thực hiện là 2 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Chiếu  hình ảnh và từ khóa để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS1: Thực hiện nhiệm vụ hoàn đã giao  - HS2: Giải mã từ khóa |
| ***- Giải đáp án*** | - Đáp án của HS |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Các em đã được quan sát về hình ảnh hang cây xanh và một bệnh nhân đang được hỗ trợ hô hấp bằng oxi. Vậy việc trồng cây xanh hai bên đường phố, nơi công sở, trường học, bệnh viện và nơi ở có tác dụng điều hòa không khí ( giảm lượng cacbonic và bố sung  oxi). Ngoài ra oxi còn được ứng dụng trong nghành y tế. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về oxi | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Hoạt động 2: Một số tính chất của oxi***

a. Mục tiêu: HS biết được oxi tồn tại ở đâu, nhận xét sự có mặt của oxi xung quanh ta. Từ đó đưa ra một số tính chất của oxi

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 11.1 hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. Sau khi thảo luận xong, mời các nhóm trình bày và nhận xét,các nhóm đổi phiếu học tập cho nhau và chấm chéo | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét chiếu kết quả và yêu cầu các nhóm đổi phiếu học tập và chấm cho nhau  + GV thu kết quả các nhóm và nhận xét quá trình,kết quả thảo luận | - Nhóm được chọn trình bày kết quả    - Nhóm khác nhận xét,đổi phiếu học tập và chấm chéo cho nhau |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về tính chất của oxi  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về tính chất của oxi  à Tiểu kết: Oxxi là chất khí, không màu, không mùi, không vị, nặng hơn không khí, tan ít trong nước (1 lít nước ở 20oC,1 atm hòa tan được 31 ml khí oxi) | - Kết luận về tính chất của oxi  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 3: Tầm quan trọng của oxi***

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được tầm quan trọng của oxi đối với sự sống

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật “thảo luận nhóm” tổ chức cho học sinh quan sát hình ảnh, tổ chức hoạt động nhóm 4 để tìm hiểu về tầm quan trọng của oxi

c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát hình ảnh trên máy tính hình 11.2 và hình ảnh người dân cầm bình oxi để thở ở vùng dịch covid hoạt động theo nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 5 phút. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Chia lớp làm 6 nhóm: 2 nhóm hoàn thành một câu hỏi. sau khi thảo luận xong nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Mỗi câu hỏi chọn đại diện một nhóm trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét chốt ý sau khi các nhóm có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả    - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm làm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm nộp phiếu học tập |
| ***- Tổng kết:***  ***+*** Tổng hợp đi đến kết luận  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về tầm quan trọng của oxi đối với sự sống  à Tiểu kết:  + Cơ thể người cần có oxi để duy trì mọi hoạt động của tế bào  + Khí oxỵgen trong bình khí sẽ có tác dụng hỗ trợ cho những bệnh nhân mắc các triệu chứng như suy hô hấp, ngạt thở, bệnh tim, chứng rối loạn thở đặc biệt là bệnh covid  + Trong y tế, các bác sĩ sẽ cho bệnh nhân thở oxỵ khi ngộ độc carbon monoxide, đặc biệt khi cẩn gây mê bệnh nhân để thực hiện phẫu thuật.  \* GV liên hệ thực tế: Khí oxi cần thiết cho bệnh nhân nhiễm covid 19 (đang trong tình trạng ngày càng phức tạp) từ đó giáo dục HSý thức phòng chống dịch covid  GV hướng dẫn HS đọc them phần nội dung đọc thêm sgk | - Kết luận về tầm quan trọng của oxi đối với sự sống  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 4: Vai trò của oxi đối với sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu***

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được vai trò của oxi đối với sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu

b. Nội dung:

+ GV chiếu video thí nghiệm,HS quan sát trả lời

+ HS chuẩn bị poster ở nhà lên trình bày đồng thời trả lời câu hỏi:  Gia đình em sử dụng nguyên liệu nào để đun nấu hằng ngày? Nhiên liệu đó có cần thiết sử dụng khí oxi để đốt cháy không ?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và bài poster

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Yêu cầu HS quan sát video thí nghiệm về oxi duy trì sự cháy và nêu hiện tượng  + Giao trước 6 nhóm chuẩn bị bài vẽ potster về chủ đề vai trò của oxi trong  quá trình đốt cháy nhiên liệu | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV chiếu video thí nghiệm và giải thích các bước làm thí nghiệm trong video  + Kiểm tra sự chuẩn bị poster của HS | - Quan sát video thí nghiệm  - Chuẩn bị poster |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***\* Thí nghiệm***  + HS nêu và giải thích hiện tượng thí nghiệm  + HS khác nhận xét  + GV nhận xét chốt ý sau khi HS có ý kiến nhận xét bổ sung  ***\* Poster***  + Các nhóm treo poster lên bảng ,mời đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày poster kết hợp trả lời câu hỏi số 8 sgk | -HS trình bày và giải thích hiện tượng thí nghiệm  - HS khác nhận xét       -Đại diện nhóm lên trình bày poster và trả lời câu hỏi |
| ***- Tổng kết:***  ***+*** Tổng hợp đi đến kết luận  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về tầm quan trọng của oxi đối với sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu  ->Tiểu kết:  + Tàn đóm cháy bùng lên do trong ống nghiệm giàu oxygen. Đến khi hết oxỵ trong ống nghiệm, que đóm bị tắt.  + Oxy duy trì sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu phục vụ cho đời sống con người và sản xuất | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 5: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm rõ mục tiêu

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  +Chia lớp thành 8 nhóm nhỏ.Giao mỗi nhóm hoàn thành 1 câu hỏi phần SGk | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm lần lượt trình bày kết quả.  + Nhóm khác nhận xét bổ sung  + GV đánh giá 1 số nhóm | - Các nhóm trình bày bài tập nhóm mình  - Các nhóm khác nhận xét,bổ sung  - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm hoạt động tốt,khích lệ những nhóm chưa đạt kết quả tốt | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 6: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi: Em hãy lấy ví dụ chứng tỏ oxi duy trì sự sống và sự cháy | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh:

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm tính chất của oxi |  |  |  |  |
| Nêu được tầm quan trọng của oxi đối với sự sống,sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu |  |  |  |  |

**BÀI 12: KHÔNG KHÍ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nêu được thành phần của không khí.

- Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.

- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.

- Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguỗn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu về thành phẩn và vai trò của không khí trong tự nhiên, ô nhiễm không khí và bảo vệ môi trường không khí;

+ Giao tiếp và hợp tác: Thành lập nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh, trật tự và đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ bài học.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được thành phẩn của không khí; Trình bày được vai trò của không khí đối với tựnhiên;Trình bày được sựô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gâỵ ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm;

+ Tim hiểu tựnhiên:Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phẩn phần trăm thể tích của oxỵgen trong không khí;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Áp dụng được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

**3. Phẩm chất**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân;

- Cẩn thận, khách quan và trung thực trong thực hành;

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Một số hình ảnh, video phóng sự về ô nhiễm môi trường không khí

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A0, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

- Nước màu (được pha ít giọt dung dịch kiềm), ống thuỷ tinh và chậu thuỷ tinh có gắn cây nến.

| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  NHÓM:…….. | | |
| --- | --- | --- |
| Tên thực trạng | Nguồn gây ô nhiễm | Biện pháp |
| …………………………………………………………………… | ………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | ………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **NHÓM: ……**  **Trả lời câu hỏi bằng cách điền vào chỗ trống :**  1. Trong bản tin dự báo thời tiết thường có dự báo về độ ẩm của không khí (hình 10.1). Điều đó chứng tỏ trong không khí chứa chất gì? Chất đó được tạo ra từ đâu?  Không khí có chứa ………… do ……. bay hơi từ …..…………………….  2. Quan sát biểu đổ hình 10.2, cho biết không khí là hỗn hợp một chất hay nhiều chất?  Không khí là …………………………  3. Không khí có duy trì sự cháy và sự sống không? Vì sao?  Không khí ………………………………vì…………………………  2. Quan sát biểu đổ hình 10.2, cho biết:  Phần trăm thể tích khí oxỵgen và nitrogen trong không khí lần lượt là: …… và……  Tỉ lệ thể tích oxỵgen: nitrogen trong không khí khoảng ……………… |
| --- |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**NHÓM: ……**

**MÃNH GHÉP SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

Em hãy quan sát một video ngắn (khoảng 2-3 phút) nói về tình trạng không khí bị ô nhiễm ở Hà Nội, cùng nông thôn, quan sát hình 10.4 và 10.5 trong SGK, cúng kiến thức thực tiễn của e. Thảo luận trả lời các nội dung sau:

1. Khi không khí bị ô nhiễm có những đặc điểm nào?

2. Em hãy tìm hiểu và cho biết những tác hại do không khí bị ô nhiễm gâỵ ra?

| **MÃNH GHÉP SỐ 2: NGUYỄN NHÂN GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**  **( Tìm hiểu về nguồn gây ô nhiễm không khí)**  Em hãy quan sát các hình từ 12.6 đến 12.10 trong SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi từ 11 đến 13 trong sgk.  11. Em hãy liệt kê các nguồn gây ô nhiễm không khí?  12. Em hãy tìm hiểu và cho biết những chất nào gây ô nhiễm không khí?  13. Quan sát các hình từ 12.6 đến 12.10, em hãy điền thông tin theo mẫu ở bảng 10.1: |
| --- |

**Bảng Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí**

| **Nguồn gây ô nhiễm không khí** | **Con người hay tự nhiên gây ra ô nhiễm** | **Chất chủ yếu gây ô nhiễm không khí** |
| --- | --- | --- |
| Cháy rừng |  |  |
| Núi lửa |  |  |
| Nhà máy nhiệt điện |  |  |
| Phương tiện giao thông chạy xăng, dẩu |  |  |
| Đốt rơm rạ |  |  |
| chuyển vật liệu xây dựng |  |  |

**MÃNH GHÉP SỐ 3: BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

**Tỉm hiểu Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí**

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**1.** Có thể giảm thiểu tình trạng gây ô nhiễm không khí được không? Để làm được điều đó ta cần phải làm gì?

**2.** Em hãy đề xuất một số biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí từ những nguồn gây ô nhiễm ở phần “**4. Nguyên nhân Gây ô nhiễm”** chúng ta đã học?

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**NHÓM: ……**

Ngoài những nguồn gây ô nhiềm đã nêu trong bài, em hãy liệt kê một số nguồn gây ô nhiễm không khí mà em biết và đề xuất biện pháp khắc phục?

| **Nguồn gây ô nhiễm không khí** | **Biện pháp khắc phục** |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Trò chơi “ AI NHANH HƠN AI”**

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh, kích thích sự ham hỏi học về môi trường không khí, cách giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường không khí hiện nay.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem hình ảnh, video về ô nhiễm môi trường không khí, Hs xem hình ảnh, video hoàn thành nội dung phiếu học tập số 1

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **Phổ biến luật chơi:** GV chia lớp thành 4 nhóm: Các nhóm quan sát hình ảnh, video trên màn chiếu để trả lời câu hỏi. Sauk hi xem xong hình ảnh video các nhóm có thời gian 90s để hoàn thành nội dung vào PHT số 1. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm |  |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS quan sát nhanh hình ảnh video trên màn chiếu cho biết thực trạng đang được nhắc đến trong các hình ảnh, video là gì và đề xuất 1 số biện pháp cải thiện thực trạng nói trên mà em biết?  Hoàn thành PHT số 1 | - Hs quan sát hình ảnh, suy nghĩ về thực trang đang được nhắc đến.  Hoàn thành PHT |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Chiếu hình ảnh trên PP lên màn chiếu để học sinh quan sát và hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ. |
| **- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:** Môi trường không khí ở một số thành phố lớn đặc biệt: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh… hiện nay đang bị ô nhiễm do tác động của thiên nhiên và con người xung quanh chúng ta. Ô nhiễm không khí đang có những ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của chúng ta> vậy có những biện pháp nào để bảo vệ môi trường không khí và em có biết thành phần của không khí gồm những chất nào, không khí có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta? | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. HÌNH HÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2: Tìm hiểu thành phẩn của không khí - xác định thành phần phần trăm về thể tích của khí oxygen trong không khí**

* a. Mục tiêu: tìm hiểu thành phẩn của không khí và xác định được không khí là hỗn hợp khí có thành phần xác định với tỉ lệ gần đúng về thể tích: 21% oxygen, 78% nitrogen còn lại là carbon dioxide, hơi nước và một số chất khí khác.

b. Nội dung: GV yêu cầu Hs quan sát, phân tích hình ảnh SGK hoàn thành PHT số 2. Từ đó rút ra kết luận về thành phần không khí. HS tiến hành thí nghiệm xác định thành phẩn phần trăm về thể tích khí oxỵgen trong không khí.

c. Sản phẩm: phiếu học tập số 2, trả lời được các câu hỏi 5 đén 7 SGK

d. Tổ chức thực hiện

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Gv chia lớp thành 4 nhóm  Gv giới thiệu cho HS dụng cụ thực hành thí nghiệm và giao nhiệm vụ học tập.  + Nhóm 1,2: Quan sát, phân tích các hình 10.1 và 10.2 trong SGK và thảo luận theo nhóm hoàn thành nội dung PHT số 2  + Nhóm 3,4: Hs làm thí nghiệm theo hình 10.3 và trả lời các câu hỏi trong SGK?  Sau thời gian 7p các nhóm đổi nhiệm vụ cho nhau. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  1. GV hướng dẫn cho HS phân tích các hình 10.1 và 10.2 trong SGK, gợi ý cho HS thảo luận hoàn thành PHT số 2.  GV có thể giúp HS phân biệt sự khác nhau giữa % độ ẩm và % thể tích hơi nước trong không khí qua việc hướng dẫn HS tìm hiểu mục chú ý trong SGK.  2. GV hướng dẫn hỗ trợ Hs tiến hành thí nghiệm | - HS thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  **+** Đại diên 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét, kết luận sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **- Tổng kết: GV dẫn dắt HS kết luận:**   * Không khí là hỗn hợp khí có thành phần xác định với tỉ lệ gần đúng về thể tích: 21% oxygen, 78% nitrogen còn lại là carbon dioxide, hơi nước và một số chất khí khác. | - Kết luận về thành phần không khí  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của không khí trong tự nhiên**

a. Mục tiêu: HS trình bày được vai trò của không khí trong tự nhiên.

b. Nội dung: HS các nhóm trình bày vai trò của không khí trong tự nhiên dựa vào sơ đồ tư duy các nhóm đã chuẩn bị, nhận xét và rút ra kết luận về vai trò của không khí trong tự nhiên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành được sơ đồ tư duy về vai trò của không khí

d. Tổ chức thực hiện

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **- Giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm ở nhà ở tiết trước tìm hiểu qua internet hoặc sách báo về vai trò của không khí trong tự nhiên vẽ sơ dồ tư duy vào giấy A0 về vai trò của không khí trong tự nhiên. (có thể kèm theo hình ảnh minh họa cho sinh đông).  Cử đại diện lên bảng trình bày | HS nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS trình bày nội dung | HS trình bày vai trò của không khí trong tự nhiên. |
| **- Báo cáo kết quả:**  **+** Đại diên 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả đã chuẩn bị ở nhà  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét | |
| **- Tổng kết**  GV hướng dẫn HS tổng kết về vai trò của không khí trong tự nhiên. | - Kết luận về vai trò của không khí trong tự nhiên. | |

**Hoạt động 4: Tìm hiểu về ô nhiễm không khí**

a. Mục tiêu: học sinh nêu được biểu hiện của ô nhiễm không khí, các chất, nguồn gây ô nhiễm không khí, biên pháp bảo vệ môi trường không khí

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật “mảnh ghép” tổ chức cho học sinh nghiên cứu về biểu hiện của ô nhiễm không khí, các nguồn gây ô nhiễm không khí, và biện pháp bảo vệ môi trường không khí , ghép 3 mãnh ghép để hiểu về ô nhiễm không khí.

c. Sản phẩm: Mảnh ghép tổng thể

d. Tổ chức thực hiện

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| - **Giao nhiệm vụ:**  **GV chia lớp thành 4 nhóm**  **+** GV thiết kế PHT số 3 chia giấy A0 thành 3 phần: Biêu hiện và tác hại của ô nhiễm không khí, các nguồn gây ô nhiễm không khí, biện pháp bảo vệ môi trường không khí, **phát PHT số 3 gồm 3 mãnh ghép.**  + Mỗi nhóm phân công nội dung mỗi mãnh ghép cho 2 đến 3 bạn nghiên cứu và điền nội dung tương ứng vào giấy A0.  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 7 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để nhận xét lẫn nhau. | - Nhận nhiệm vụ |
| - Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| - Báo cáo kết quả:  - Mời 1 nhóm lên bảng thuyết trình  - Mời nhóm khác nhận xét  Gv nhận xét, kết luận. Nhận xét câu trả lời của HS ở phần khởi động, dẫn dắt HS kết luận nội dung. | - Nhóm được chọn thuyết trình  - Nhóm khác nhận xét |
| - Tổng kết:   * **Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ:**   - Ô nhiễm không khí là sự thay đổi các thành phần của không khí do khói, bụi, hơi hoặc các khí lạ. Ô nhiễm không khí làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, gây biến đổi khí hậu, gây bệnh cho con người, động vật và thực vật, làm hỏng cảnh quan tự nhiên hoặc các công trình xây dựng.  **Biểu hiện của không khí bị ô nhiễm:**  - Có mùi khó chịu.  - Giảm tầm nhìn.  - Da, mắt bị kích ứng, nhiễm các bệnh đường hô hấp.  Có một số hiện tượng thời tiết cực đoan: sương mù giữa ban ngày, mưa acid,...   * **NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ > Tìm hiểu các nguồn gây ô nhiễm không khí**   Chất gây ô nhiễm không khí là các chất ở dạng hạt nhỏ lơ lửng trong không khí gây hại cho con người và môi trường.  Nguồn gây ô nhiễm không khí: Con người hoặc tự nhiên.   * **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ > Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí**   Để bảo vệ môi trường không khí cần phải thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu chất gây ô nhiễm.  Ví dụ:  - Di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ra ngoài thành phố và khu dân cư; thay thế máy móc, dầy chuyền công nghệ sản xuất lạc hậu gây ô nhiễm bằng công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm hơn.  - Xây dựng các hệ thống xử lí khí thải gây ô nhiễm môi trường.  - Hạn chế các nguồn gây ô nhiễm không khí như bụi, rác  thải,... do xây dựng.  - Sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch dần thay thế than đá, dầu mỏ,... để giảm thiểu khí carbon monoxide và carbon dioxide khi đốt cháy.  - Giảm phương tiện cá nhân, tăng cường đi bộ, đi xe đạp và sử dụng các phương tiện giao thông công cộng.  - Trồng nhiều cây xanh.  - Lắp đặt các trạm theo dõi tự động môi trường không khí, kiểm soát khí thải ô nhiễm. | - Kết luận  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 5: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi về nội dung kiến thức đã học

b. Nội dung: Giáo viên cho HS hoạt động theo nhóm. Liệt kê các nguốn gây ô nhiễm và đề xuất biện pháp khắc phục

c. Sản phẩm: Hoàn thành PHT số 4

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Hoạt động nhóm trong thời gian 2p: hoàn thành nội dung trong PHT số 4 trên giấy A0  Nhóm nào ghi được nhiều nguồn gây ô nhiễm và đề xuát được biên pháp khắc phục đúng sẽ giành chiến thắng | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Các nhóm treo kết quả lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| **- Tổng kết:**  + Đánh giá được nhóm nào nêu được nhiều hoạt động có thể hiện vài trò của khoa học tự nhiên. Khen ngợi học sinh | - Học sinh lắng nghe |

**Hoạt động 6: Vận dụng**

**TỔ CHỨC CUỘC THI “ EM YÊU MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ”**

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

b. Nội dung: HS vẽ hoặc chụp ảnh, làm Poster về những việc em đã làm để bảo vệ môi trường không khí quanh em. Sử dụng để tuyên truyền về bảo vệ môi trường.

c. Sản phẩm: Bảng poster hoặc hình vẽ, hình ảnh về bảo vệ môi trường.

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + Em hãy vẽ hoặc quay video, chụp ảnh, làm Poster về những việc em đã làm để bảo vệ môi trường không khí quanh em?  + HS nộp poster hoặc hình vẽ, hình ảnh vào tiết học tiếp theo?  Bạn nào đạt giải nhất cuộc thi sẽ dành chiếc cúp bảo vệ môi trường do GVBM khoa học tự nhiên cấp. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| - Báo cáo kết quả:  + Tiết học tiếp theo nộp poster hoặc hình vẽ, hình ảnh về bảo vệ môi trường không khí. Từ đó tuyên truyền về bảo vệ môi trường cho HS. | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

**C. Dặn dò**

- Thực hiện nhiệm vụ về nhà ở phần vận dụng giáo viên giao

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

| **Các tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Chưa đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Mức độ tích cực trong học tập |  |  |  |  |
| Mức độ hợp tác trong hoạt động nhóm |  |  |  |  |
| Khả năng thực hành thí nghiệm |  |  |  |  |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 3**

**(Thời gian thực hiện: 1 tiết)**

**I/ MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Hệ thống kiến thức về oxygen và không khí.

- Liên hệ kiến thức đã học làm được những bài tập liên quan đến chủ đề.

***2. Năng lực***

a/ Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

- Giao tiếp và hợp tác: chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập trong SGK.

b/ Năng lực khoa học tự nhiên

- Hệ thống hóa được kiến thức về oxygen và không khí.

***3. Phẩm chất.***

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, kiên nhẫn thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***Chuẩn bị của giáo viên:*** Giáo án, SGK, Máy chiếu, laptop ( nếu có), phiếu học tập

| **PHIẾU HỌC TẬP**  **Câu 1:** Trong phòng thí nghiệm người ta thường điều chế khí oxỵgen bằng cách phân huỷ một số hợp chất giàu oxygen như potassium permanganate (còn gọi là thuốc tím, kí hiệu hoá học là KMn04). Khí oxy0gen được thu bằng phương pháp đẩy nước ra khỏi ống nghiệm đựng đẩy nước úp ngược trong chậu nước, minh hoa như hình sau  a. Tại sao có thể thu khí oxygen bằng phương pháp đẩy nước?  b. Dấu hiệu nào cho em biết ống nghiệm chứa đầy khí oxygen?  D:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image38.jpeg  **Câu 2:** Bạn Vinh muốn tìm hiểu mối liên hệ có thể có giữa nhiệt độ trung bình của bẩu khí quyển với lượng khí thải carbon dioxide trên Trái Đất. Bạn ấy đã theo dõi hai đồ thị sau trong các tài liệu ở một thư viện.    Từ hai đổ thị này, Vinh rút ra kết luận rằng sự gia tăng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái Đất chắc chắn là do sự gia tăng của lượng khí thải carbon dioxide. Em rút ra được thông tin gì từ đồ thị dẫn tới kết luận của Vinh?  **Câu 3:** Hà thắc mắc: Que diêm hay thanh củi cũng là vật thể từ gỗ, tại sao khi một que diêm đang cháy gặp gió thổi tới thì diêm tắt nhưng khi một thanh củi đang cháy trong đống lửa ngoài trời mà gặp gió thì thanh củi cháy mãnh liệt hơn? Em hãy giải thích giúp Hà.  D:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image43.jpegD:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image42.jpeg |
| --- |

***Chuẩn bị của học sinh:*** vở ghi, SGK, vở bài tập, Giấy A0, bút dạ nhiều màu

**III/ TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. Hoạt động 1: Khởi động***

***a. Mục tiêu:*** tạo sự hứng thú cho học sinh trước khi vào bài mới, đồng thời nhắc lại những kiến thức đã được học trong chủ đề 3

***b. Nội dung :*** Giáo viên tổ chức trò chơi, chiếu các từ khóa trên máy chiếu ( hoặc đưa các tấm bảng có sẵn các từ khóa ). Học sinh chơi theo cặp, 1 học sinh diễn đạt, học sinh khác trả lời.

***c. Sản phẩm:*** Học sinh trả lời được từ khóa

***d. Cách thức tổ chức hoạt động:***

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **- Thông báo luật chơi:** có 3 đội chơi, mỗi đội gồm 2 thành viên. 1 người sẽ diễn đạt lại nội dung từ khóa sao cho không trùng với từ khóa, bạn còn lại sẽ đoán. Đội nào trong thời gian 1 phút đoán đúng được nhiều hơn thì chiến thắng. | - HS: ghi nhớ luật chơi |
| **- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** GV chiếu các từ khóa lên màn hình ( hoặc đưa tờ giấy có từ khóa) để học sinh quan sát  Từ khóa: không khí, duy trì sự sống, duy trì sự cháy, chất khí, ô nhiễm không khí, quang hợp, khẩu trang, cháy rừng, núi lửa, đốt rơm rạ, bình oxygen… | - Các đội lần lượt chơi dưới sự hướng dẫn điều khiển của GV |
| **-GV nhận xét,** và yêu cầu cả lớp cho điểm từng đội chơi.  - GV chốt lại và đặt vấn đề vào bài: Những từ khóa chúng ta vừa tìm hiểu đều là nội dung chính của chủ đề oxygen- không khí. Bài học hôm nay chúng ta cùng tổng kết lại nội dung và làm bài tập. | - Lớp cho điểm từng đội và nhận xét đội chơi tốt nhất. |

***2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức***

***Hệ thống hóa kiến thức.***

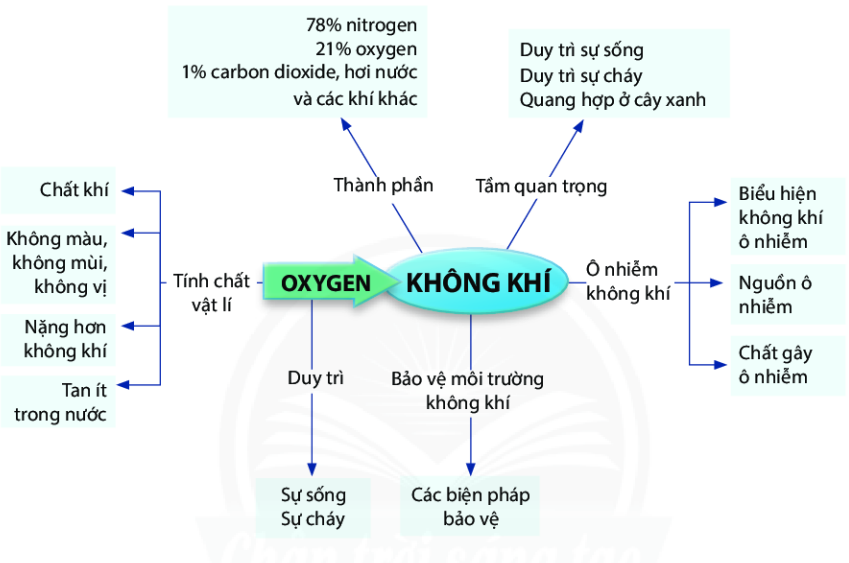
***a. Mục tiêu:*** hệ thống kiến thức về oxygen và không khí dưới dạng sơ đồ tư duy.

***b. Nội dung:***Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, vẽ sơ đồ tư duy về nội dung chính của bài. Sau đó đại diện 1,2 nhóm lên trình bày trước lớp. Nhóm còn lại nhận xét, phản biện.

***c. Sản phẩm:*** Sơ đồ tư duy của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện:***

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **-GV: giao nhiệm vụ cho HS**  Yêu cầu Hs hoạt động theo nhóm, thảo luận về nội dung của chủ đề 3 : oxy- không khí dưới dạng sơ đồ tư duy, hoặc bảng biểu… | - HS: lắng nghe nhiệm vụ học tập |
| **-GV: yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ**  -Yêu cầu Hs thảo luận theo nhóm, trình bày theo ý tưởng của nhóm mình ( thời gian 10 phút) | - HS: thảo luận theo nhóm, trình bày về nội dung |
| **- GV: yêu cầu HS Báo cáo kết quả thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện 1,2 nhóm xong trước trình bày kết quả của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung | - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung. Yêu cầu nêu được  + Tính chất vật lí, vai trò của oxygen  + Thành phần của không khí, vai trò của không khí, sự ô nhiễm không khí và biện pháp bảo vệ môi trường không khí, |
| - GV: **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV: nhận xét kết quả thảo luận của học sinh, tổng kết kiến thức cho HS | - HS ghi nội dung kiến thức vào vở. |



***3. Hoạt động 3: Luyện tập***

***a. Mục tiêu :*** giúp HS ôn tập các kiến thức vừa luyện tập

***b. Nội dung:*** hệ thống câu hỏi ôn tập dưới dạng tự luận và trắc nghiệm, chữa bài tập trong SGK và bài tập thêm

***c. Sản phẩm:*** HS trả lời được câu hỏi của GV

***d Tổ chức thực hiện:*** Vấn đáp hoặc hoạt động nhóm

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | |
| --- | --- | --- |
| - GV : yêu cầu Hs dựa vào kiến thức đã học, hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi sau  **Câu 1:** Khi nào chúng ta cần sử dụng các biện pháp hỗ trợ nhằm cung cấp nguồn oxygen cho hoạt động hô hấp?  **Câu 2:** Tại sao trong bể nuôi cá cảnh thường lắp một máy bơm nước nhỏ để bơm nước liên tục đồng thời trồng thêm một số cây thủy sinh?  - GV: nhận xét chốt đáp án đúng  - GV: phát phiếu học tập, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm làm bài tập sau: | - Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  Câu 1: Khi cơ quan hô hấp làm việc kém hiệu quả( suy hô hấp), khi bơi lặn dưới nước, khi leo trèo trên núi cao…  Câu 2: vì khí oxi tan ít trong nước nên cần cung cấp thêm oxi cho bể cá bằng cách lắp máy bơm nước, trồng thêm cây thủy sinh.  - Lớp nhận xét, bổ sung  - HS: hoạt động theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập | |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **Câu 1:** Trong phòng thí nghiệm người ta thường điều chế khí oxỵgen bằng cách phân huỷ một số hợp chất giàu oxygen như potassium permanganate (còn gọi là thuốc tím, kí hiệu hoá học là KMn04). Khí oxỵgen được thu bằng phương pháp đẩy nước ra khỏi ống nghiệm đựng đẩy nước úp ngược trong chậu nước, minh hoa như hình sau  a. Tại sao có thể thu khí oxygen bằng phương pháp đẩy nước?  b. Dấu hiệu nào cho em biết ống nghiệm chứa đầy khí oxygen?  D:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image38.jpeg  **Câu 2:** Bạn Vinh muốn tìm hiểu mối liên hệ có thể có giữa nhiệt độ trung bình của bẩu khí quyển với lượng khí thải carbon dioxide trên Trái Đất. Bạn ấy đã theo dõi hai đồ thị sau trong các tài liệu ở một thư viện.    Từ hai đổ thị này, Vinh rút ra kết luận rằng sự gia tăng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái Đất chắc chắn là do sự gia tăng của lượng khí thải carbon dioxide. Em rút ra được thông tin gì từ đồ thị dẫn tới kết luận của Vinh?  **Câu 3:** Hà thắc mắc: Que diêm hay thanh củi cũng là vật thể từ gỗ, tại sao khi một que diêm đang cháy gặp gió thổi tới thì diêm tắt nhưng khi một thanh củi đang cháy trong đống lửa ngoài trời mà gặp gió thì thanh củi cháy mãnh liệt hơn? Em hãy giải thích giúp Hà.  D:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image43.jpegD:\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image42.jpeg | | |
| **Hướng dẫn giải:**  Câu 1:  a) Khí oxygen tan rất ít trong nước nên cóthểthu bằng phương pháp đẩy nước ra khỏi ống nghiệm và chiếm chỗ của nước.  b) Nước trong ống nghiệm bị đẩy ra hoàn toàn.  Câu 2:  Đề cập tới sự gia tăng của cả nhiệt độ (trung bình) và khí thải carbon dioxide.  -Vì từ năm 1910, cả hai đồ thị đều bắt đẩu tăng lên.  - Nhìn chung càng có nhiều khí thải carbon dioxide thì nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái Đất càng tăng lên.  Câu 3:  Gió làm nguội nhanh chóng bề mặt nhỏ bé của que diêm tới nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ cháy của gỗ làm cho diêm tắt. Tuy nhiên, gió không thể làm nguội nhanh một diện tích rộng lớn của thanh củi đang cháy và hơn nữa gió còn làm tăng lượng oxỵgen từ không khí thổi vào để đốt cháy thanh củi làm chothanh củi cháy mãnh liệt hơn. | | |
| **-GV: gọi đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả từng câu**  **- GV nhận xét, chốt đáp án đúng./**  **- GV cho các nhóm tự chấm điểm lẫn nhau** | | **- HS đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình**  **- nhóm khác nhận xét bổ sung** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  ***a. Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để làm những bài tập trắc nghiệm liên quan đến tính chất vật lí của oxi, sự ô nhiễm không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành, tránh ô nhiễm.**  ***b. Nội dung:* tổ chức trò chơi “ Bức tranh bí ẩn”, trả lời câu hỏi liên quan để tổng kết nội dung bài.**  ***c. Sản phẩm:* Học sinh tham gia tích cực trò chơi, đoán được bức tranh bí ẩn đằng sau**  ***d. Tổ chức thực hiện*: GV tổ chức trò chơi** | | |
| **-GV chiếu slide lên, mỗi một mảnh ghép tương ứng với một câu hỏi. Trả lời đúng được mở một mảnh ghép, trả lời sai bị mất lượt**  **Câu 1:** Khí oxygen dùng trong đời sống được sản xuất từ nguồn nguyên liệu nào?  A. Nước. B.Từ khí carbon dioxide.  *C. Từ không khí.* D. Từ thuốc tím (potassium permanganate).  Đáp án c. Oxỵgen được sản xuất từ không khí. Người ta hoá lỏng khòng khí xuống dưới -196°c và áp suất cao, ở điều kiện nàỵ không khí sẽ hoá lỏng. Sau đó nâng lên nhiệt độ dưới -183 °c để nitrogen bay hơi và thu riêng nitrogen. Khi khí nitrogen đã hết thì còn lại chủ yếu là oxỵgen.  **Câu 2**: Khi một can xăng do bất cẩn bị bốc cháỵ thì chọn giải pháp chữa cháy nào được cho dưới đây phù hợp nhất?  A. Phun nước.  *B. Dùng cát đổ trùm lên.*  C. Dùng bình chữa cháỵ gia đình để phun vào.  D. Dùng chiếc chăn khô đắp vào.  Đáp án B. Dùng cát đổ lên. Cát sẽ giúp ngăn cách oxỵgen tiếp xúc với xăng nên sự cháy sê tắt. Nếu dùng nước thì xăng càng chảy loang ra theo nước và đám cháy khó dập tắt hơn. Bình chữa cháy gia đình thì quá nhỏ để có thể dập tắt đám cháy của can xăng. Do đám cháy lớn từ can xăng nên không dùng chăn vì chăn có thể bị cháy.  **Câu 3:** Thành phẩn nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?  A. Oxygen. B. Hidrogen.  *C. Carbon dioxide.* D. Nitrogen.  **Câu 4:** Khi nào thì môi trường không khí được xem là bị ô nhiễm?  A. Khi xuất hiện thêm chất mới vào thành phẩn không khí.  B. Khi thay đổi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí.  *C. Khi thay đổi thành phẩn, tỉ lệ các chất trong môi trường không khí và gâỵ ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và các sinh vật khác.*  D. Khi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí biến động nhỏquanh tỉ lệ chuẩn.  **Câu 5:** Hoạt động nông nghiệp nào sau đâỵ không làm ô nhiễm môi trường không khí?  A. Đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.  *B. Tưới nước cho câỵ trổng.*  C. Bón phân tươi cho cây trổng.  D. Phun thuốc trừ sâu để phòng sâu bọ phá hoại cây trổng.  **Câu 6:** Biểu hiện nào sau đây không phải là biểu hiện của sựô nhiễm môi trường?  A. Không khí có mùi khó chịu.  B. Da bị kích ứng, nhiễm các bệnh đường hô hấp.  C. Mưa axit, bấu trời bị sương mù cả ban ngày.  *D. Buổi sáng mai thường có sương đọng trên lá.*  **Bức tranh bí ẩn là tình trạng ô nhiễm không khí tại Việt Nam. Từ đó liên hệ thực tế, yêu cầu Hs rút ra trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ bầu không khí trong lành** | | |

**Hoạt động 5: Tìm tòi mở rộng- hướng dẫn về nhà**

- Nhiệm vụ nhóm 1,2: Cho các cụm từ gổm: "ô nhiễm không khí" "khí thải công nghiệp" "khói bụi do núi lửa, do cháy rừng" "hậu quả", "khí thải do đốt rác thải" "hiệu ứng nhà kính" "nguyên nhân" "hạn chế đốt rác thải sinh hoạt", "biện pháp hạn chế" "bệnh đường hô hấp" "mưa axit","trồng nhiều câỵ xanh""sửdụng tiết kiệm năng lượng" "khí thải của các phương tiện giao thông", "chế tạo các loại động cơ tiết kiệm năng lượng" "xử lí rác thải đúng quỵ trình".

Em hãy lập một sơ đồ hình câỵ phù hợp nhất với các dữ liệu trên để tổng kết kiến thức về chủ đề không khí.

- Nhiệm vụ nhóm 3,4: Thiết kế 1 poster ở dạng tranh cổ động để tuyên truyền mọi người bảo vệ môi trường không khí nơi ở của mình?

- Yêu cầu HS xem trước bài mới

**BÀI 15: CHẤT TINH KHIẾT VÀ HỖN HỢP**

**(Thời gian thực hiện: 3 tiết)**

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Nêu được khái niệm chất tinh khiết và hỗn hợp

- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hồn hợp không đồng nhất

- Nhận ra được một số khí có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hòa tan và không hòa tan trong nước.

- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.

- Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch.

- Quan sát được một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch huyền phù, nhũ tương.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học theo hướng dẫn của GV các nội dung về chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, huyền phù và nhũ tương.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hoạt động nhóm một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.

+Giải quyết vấn đề và sáng tạo:Thảo luận hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các phương án tìm hiểu chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, huyền phù và nhũ tương.

- Năng lực khoa học tự nhiên

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp; Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất; nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch, các chất rắn hòa tan và không hòa tan trong nước; Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; Phân biệt được dung môi và dung dịch.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.

***3. Phẩm chất***

- Tích cực hoạt động nhóm phù hợp với bản thân

- Cẩn thận, khách quan và trung thực trong thực hành, hoàn thành các bảng số liệu.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập và khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

-Dụng cụ: Ống nghiệm, kẹp ống nghiệm, cốc thủy tinh 100ml, đũa thủy tinh, đồng hồ bấm giây, bảng phụ.

-Hóa chất: Muối kết tinh, muối bột canh, nước cất, chai nước khoáng, ethanol, dầu ăn, đường, bột mì, cát, thuốc tím, iodine, đường phèn.

-Phóng to hình ảnh trong SGK, H 15.1, H 15.2, H 15.4, H 15.8, H 15.11 – 15.13

- Giấy A4, bảng phụ

- Phiếu học tập

- Máy chiếu, laptop

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  NHÓM:…….. | |
| --- | --- |
| 1/ Nhận xét về số lượng các chất có trong nước cất, bình khí oxygen y tế, sản phẩm đường tinh luyện và muối tinh. Các chất đó ở thể nào? | |
| Số lượng |  |
| Trạng thái |  |
| 2/ Đường có vị ngọt, muối ăn có vị mặn, nước sôi ở 1000C và khí oxygen hóa lỏng ở -1830C. Theo em, nếu lẫn tạp chất khác thì những tính chất trên có thay đổi không?  ………………………………………………………………………………… | |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  NHÓM: …… | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Ống nghiệm | Hỗn hợp | Hiện tượng quan sát được | Nhận xét sự phân bố thành phần các chất … |
| 1 | Nước cất + ethanol |  |  |
| 2 | Nước cất + dầu ăn |  |  |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3  NHÓM: …… | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Ống nghiệm | Chất tan | Hiện tượng quan sát được | Giải thích |
| 1 | Muối ăn |  |  |
| 2 | Đường |  |  |
| 3 | Bột mì |  |  |
| 4 | Cát |  |  |
| 5 | Thuốc tím |  |  |
| 6 | Iodine |  |  |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4  NHÓM:…….. | | |
| --- | --- | --- |
| Cốc | Điều kiện tiến hành thí nghiệm | Thời gian |
| 1 | Nước lạnh + đường phèn |  |
| 2 | Nước ở nhiệt độ thường + đường viên |  |
| 3 | Nước nóng + đường viên |  |
| 4 | Nước nóng + đường viên + khuấy đều |  |
| 5 | Nước nóng + đường nghiền nhỏ + khuấy đều |  |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5  NHÓM:…….. | | | |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Dung dịch | Huyền phù | Nhũ tương |
| Ví dụ |  |  |  |
| Phân biệt |  |  |  |

**III. Tiến trình dạy học**

***A. Khởi động***

***Hoạt động 1: chơi trò chơi tiếp sức***

a. Mục tiêu: tạo hứng thú cho học sinh, học sinh vừa nắm lại kiến thức cũ về chất, vừa tò mò với kiến thức mới.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi tiếp sức

c. Sản phẩm: kết quả ghi trên bảng

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Thông báo luật chơi:*** Chia HS thành 3 đội, mỗi đội cử ra 4 thành viên tham gia trò chơi tiếp sức. Khi có hiệu lệnh lần lượt từng thành viên lên ghi thông tin vào 1 ô trên bảng từ trên xuống dưới. Thành viên trước về chỗ, thành viên sau mới được xuất phát. Đội nào có nhiều đáp án đúng hơn, đội đó chiến thắng. Trong TH có nhiều đội có cùng số đáp án đúng, đội nào có thời gian thi ngắn hơn đội đó sẽ chiến thắng. | - Ghi nhớ luật chơi |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  HS của mỗi đội lên điền thông tin trên bảng.  Đôị 1: Muối ăn  Đội 2: Đường  Đội 3: Than   | **Chất** | Muối ăn | Đường | Than | | --- | --- | --- | --- | | **Màu** |  |  |  | | **Vị** |  |  |  | | **Tính tan** |  |  |  | | **Tính cháy** |  |  |  | | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  Lần lượt từng HS của mỗi đội thay phiên nhau lên viết đáp án trên bảng   | **Chất** | Muối ăn | Đường | Than | | --- | --- | --- | --- | | **Màu** | Trắng | Trắng | Đen | | **Vị** | mặn | ngọt | đắng | | **Tính tan** | Tan được | Tan được | Không tan | | **Tính cháy** | Không cháy | Cháy được | Cháy được | | - Thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:***  Ở những chủ đề trước đã giúp ta phân biệt được chất, vật thể, mỗi chất có những tính chất nhất định. Vậy chất như thế nào là tính khiết, hỗn hợp ? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi trên. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

***Tiết 1: Hoạt động 2: Quan sát một số chất trong cuộc sống***

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm và đặc điểm của chất tinh khiết.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh 15.1 trong SGK hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1  + Thời gian hoàn thành phiếu học tập là 2 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  Chia lớp thành 6 nhóm, 2 bàn là 1 nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***-Đánh giá:***  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu phiếu học tập của các nhóm khác để kiểm tra. |  |
| ***- Tổng kết:***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về khái niệm và đặc điểm của chất tinh khiết.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về khái niệm và đặc điểm của chất tinh khiết.  🡪 Chất tinh khiết ( chất nguyên chất) được tạo ra từ một chất duy nhất.  Mỗi chất tinh khiết đều có thành phần hóa học và tính chất nhất định. | - Kết luận về khái niệm và đặc điểm chất tinh khiết.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 3: Quan sát một số sản phẩm chứa hỗn hợp các chất***

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm và đặc điểm của hỗn hợp.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động từng cặp đôi để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: bảng phụ

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát bì muối bột canh và chai nước khoáng ( GV chuẩn bị từ trước) hoạt động 2 HS thành 1 cặp hoàn thành các câu hỏi trong SGK vào bảng phụ.  + Các nhóm ở 4 bàn đầu trả lời câu hỏi số 3, 4 bàn tiếp theo trả lời câu 4, 4 bàn còn lại trả lời câu 5.  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 3 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  + Bột canh không phải là chất tinh khiết. Bột canh có thành phần gồm nhiều chất như: muối ăn, đường, mì chính, hạt tiêu…  + Khi trộn lẫn các nguyên liệu vào với nhau theo tỉ lệ thích hợp, ta được bột canh.Nếu bớt 1 trong các thành phần thì vị của bột canh sẽ thay đổi do mỗi thành phần có tính chất riêng, tạo nên vị đặc trưng.  + Nước khoáng thiên nhiên không phải là nước nguyên chất. Vì ngoài nước, trong thành phần của nước khoáng còn chứa một số chất khoáng khác. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm, nhóm nào trả lời đúng được điểm cộng.  + GV kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm cộng. | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khái niệm và đặc điểm của hỗn hợp.  + **Hỗn hợp** được tạo ra khi hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau.  + Mỗi chất trong hỗn hợp được gọi là một thành phần hỗn hợp. Tính chất của hỗn hợp phụ thuộc vào thành phần hỗn hợp và hàm lượng của chúng. | - Kết luận về khái niệm và đặc điểm của hỗn hợp.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 4:Phân biệt hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất.***

a. Mục tiêu: Rút ra khái niệm về hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + HS làm thí nghiệm 1 trong SGK và quan sát hình 15.4, hoàn thành phiếu học tập số 2.  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 5 phút. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Chia lớp thành 4 nhóm , theo hướng dẫn của GV để làm thí nghiệm.  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  +Ống nghiệm thứ nhất: Rượu tan được trong nước. (hỗn hợp đồng nhất)  +Ống nghiệm thứ hai: Dầu ăn không tan trong nước, nổi lên trên do nhẹ hơn nước. ( hỗn hợp không đồng nhất)  + Hỗn hợp đồng nhất: các chất phân bố đều trong hỗn hợp.  + Hỗn hợp không đồng nhất: các chất phân bố không đồng đều trong hỗn hợp. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu phiếu học tập của các nhóm khác chấm điểm. | Các nhóm nộp phiếu học tập |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khái niệm hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất.  + **Hỗn hợp đồng nhất là hỗn hợp có thành phần giống nhau tại mọi vị trí trong toàn bộ hỗn hợp.**  + Hỗn hợp không đồng nhất là hỗn hợp có thành phần không giống nhau trong toàn bộ hỗn hợp. | - Kết luận về khái niệm hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất.  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 2: Hoạt động 5: Thử khả năng hòa tan các chất rắn trong nước***

a. Mục tiêu: tìm hiểu khả năng hòa tan của các chất rắn trong nước.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Kể tên một số chất rắn tan trong nước, một số chất rắn không tan trong nước?  + HS làm thí nghiệm 2 trong SGK ( hình 15.5), hoàn thành phiếu học tập số 3.  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 5 phút. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Chia lớp thành 4 nhóm , theo hướng dẫn của GV để làm thí nghiệm.  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 HS trả lời câu hỏi thảo luận.  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  + Chất rắn tan được trong nước: muối ăn, đường, mì chính (bột ngọt), phân bón hoá học,...  +Chất rắn không tan trong nước: Sắt, cát, đá vôi, bột mì…  + Kết quả thí nghiệm ( phiếu học tập 3) | - Trả lời câu hỏi  - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + HS trả lời đúng được cộng điểm  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu phiếu học tập của các nhóm khác chấm điểm. | Các nhóm nộp phiếu học tập |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khả năng hòa tan các chất rắn trong nước  → Một số chất rắn tan được trong nước và một số chất rắn không tan được trong nước. Khả năng tan trong nước của các chất rắn là khác nhau. | - Kết luận về khả năng hòa tan các chất rắn trong nước.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 6:******Tiến hành thí nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước***

a. Mục tiêu: tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + HS làm thí nghiệm 3 trong SGK ( hình 15.6), hoàn thành phiếu học tập số 4 và câu hỏi 11. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Chia lớp thành 4 nhóm , theo hướng dẫn của GV để làm thí nghiệm.  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - Mời 1 HS trả lời câu hỏi 11 trong SGK.  - GV phân tích , chọn phương án  + Kết quả thí nghiệm ( phiếu học tập 4)  + Cốc 1 tan chậm nhất vì sử dụng đường với kích thước lớn và nước lạnh nên khó hoà tan.  + Cốc 5 tan nhanh nhất vì sử dụng đường nghiền nhỏ, được khuấy đều trong nước nóng nên dễ hoà tan. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét  - Trả lời câu hỏi |
| ***- Đánh giá***  + HS trả lời đúng được cộng điểm  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu phiếu học tập của các nhóm khác kiểm tra. | Các nhóm nộp phiếu học tập |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.  → Muốn chất rắn tan nhanh trong nước, có thể thực hiện một, hai hoặc cả ba biện pháp sau:   * Khuấy dung dịch. * Đun nóng dung dịch. * Nghiền nhỏ chất rắn. | - Kết luận về khả năng hòa tan các chất rắn trong nước.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 7:******Quan sát khi rót nước ngọt đóng chai***

a. Mục tiêu: Biết được khả năng tan trong nước của chất khí

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo cặp để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: giấy A4

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát khi rót chai nước ngọt vào cốc ( hình 15.7) ,thảo luận theo cặp đôi hoàn thành câu hỏi 12 trong SGK vào giấy A4.  + Thời gian thảo luận 3 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - HS tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  Trong nước ngọt có hoà tan thêm khí CO2 (khí không độc, tan được một phần trong nước, tạo dung dịch có vị chua nhẹ, kích thích tiêu hoá thức ăn), ở các nhà máy sản xuất nước ngọt, người ta dùng áp lực lớn để ép CO2 hoà tan vào nước. Sau đó nạp vào chai hoặc lon và đóng kín lại thì thu được nước ngọt.  Khi mở nắp chai nước ngọt để rót vào cốc, áp suất bên ngoài thấp hơn trong chai nên CO2 lập tức bay vào không khí, tạo ra bọt khí vớì tiếng "xì xèo"ở miệng cốc.  Vào mùa hè, người ta thường thích uống nước ngọt ướp lạnh. Khi ta uống nước ngọt, dạ dàỵ và ruột không hề hấp thụ khí CO2. Do ảnh hưởng bởi nhiệt độ trong dạ dày nên khí CO2 nhanh chóng theo đường miệng thoát ra ngoài, mang đi bớt một phần nhiệt lượng trong cơ thể, làm cho người uống có cảm giác mát mẻ, dễ chịu. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu giấy A4 của 1 số nhóm để cho điểm cộng. | Các nhóm nộp giấy A4 |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khả năng hòa tan trong nước của chất khí.  → Một số chất khí có thể tan trong nước. Khả năng tan trong nước của các chất khí là khác nhau. | - Kết luận về khả năng hòa tan trong nước của chất khí.  - Ghi kết luận vào vở |

***Tiết 3: Hoạt động 8: Phân biệt dung dịch – dung môi – chất tan***

a. Mục tiêu: phân biệt dung dịch – dung môi – chất tan

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: giấy A4

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + HS xem lại kết quả thí nghiệm 1,2 và quan sát hình 15.8 thảo luận trả lời câu hỏi 13,14,15 trong SGK.  + Thời gian thảo luận 5 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + Chia lớp học thành 4 nhóm , thảo luận trả lời câu hỏi trên giấy A4.  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  13/ Ethanol tan hoàn toàn trong nước, tạo ra hỗn hợp đồng nhất.  Dầu ăn không tan trong nước, tạo ra hỗn hợp không đồng nhất.  14/ Khi hòa tan các chất rắn trong nước, ta sẽ thu được hỗn hợp đồng nhất ( đường, muối ăn, thuốc tím)  15/ Khi cho đường vào nước và khuấy đều, các hạt đường sẽ tan và phân bố đều vào nước, tạo thành hỗn hợp đổng nhất gọi là dung dịch đường. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu giấy A4 của 1 số nhóm để cho điểm cộng. | Các nhóm nộp giấy A4 |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khái niệm dung dịch, chất tan và dung môi.  → Dung dịch là hỗn hơp đồng nhất của chất tan và dung môi.  Chất tan là chất được hòa tan trong dung môi. Chất tan có thể là chất rắn, chất lỏng hoặc chất khí.  Dung môi là chất dùng để hòa tan chất tan. Dung môi thường là chất lỏng. | - Kết luận về khái niệm dung dịch, chất tan và dung môi.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 9: Quan sát hiện tượng bồi đắp phù sa***

a. Mục tiêu: Tìm hiểu khái niệm huyền phù

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo cặp để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: bảng phụ

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + HS xem video về hiện tượng bồi đắp phù sa của các con sông ( hình 15.9) hoạt động theo cặp thảo luận câu hỏi 16 trong SGK.  + Thời gian thảo luận 3 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + 2 HS thành một cặp đôi thảo luận, ghi câu trả lời trên bảng phụ.  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  Nước sông đem theo phù sa giàu dinh dưỡng là các hạt rắn lơ lửng trong nước. Khi chảy qua đổng bằng, các hạt phù sa rắn này bị giữ lại, bồi đắp thêm chất dinh dưỡng cho đồng bằng. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  Nhóm trình bày đúng được cộng điểm. |  |
| GV gợi ý : phù sa là 1 dạng huyền phù  VD: nước cam, sữa cacao…( có chất rắn nhỏ nằm lơ lửng) | * Lắng nghe |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khái niệm huyền phù.  → Huyền phù là một hỗn hợp không đồng nhất gồm các hạt chất rắn phân tán lơ lửng trong môi trường chất lỏng. | - Kết luận về khái niệm huyền phù.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 10: Quan sát cách tạo xốt mayonnaise***

a. Mục tiêu: Tìm hiểu khái niệm nhũ tương

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo cặp để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: bảng phụ

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Quan sát cách làm xốt mayonnaise  (Hình 15.10) thảo luận câu hỏi 17 trong SGK.  + Thời gian thảo luận 3 phút | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + 2 HS thành một cặp đôi thảo luận, ghi câu trả lời trên bảng phụ.  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  Xốt mayonnaise không phải dung dịch vì là hỗn hợp không đồng nhất xốt này cũng không là huyền phù vì không phải các hạt rắn phân bố trong chất lỏng. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  Nhóm trình bày đúng được cộng điểm. |  |
| GV gợi ý: Xốt mayonnaise gọi là nhũ tương.  VD: nhũ tương nhựa đường, tương ớt… | * Lắng nghe |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận về khái niệm nhũ tương.  → Nhũ tương là một hỗn hợp không đồng nhất gồm một hay nhiều chất lỏng phân tán trong môi trường chất lỏng nhưng không tan trong nhau. | - Kết luận về khái niệm nhũ tương.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 11:******Quan sát một số hỗn hợp***

a. Mục tiêu: phân biệt dung dịch, huyền phù và nhũ tương.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo cặp để làm rõ mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + GV mô tả các hình 15.11, 15.12 và 15.13 trong SGK  + Quan sát hoàn thành phiếu học tập số 5 | -Lắng nghe  - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  + 2HS thành 1 cặp thảo luận  +GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | - HS tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án  + Kết quả thí nghiệm ( phiếu học tập 5) | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Nhóm trình bày đúng được cộng điểm.  + GV thu phiếu học tập của 1 số nhóm kiểm tra lấy điểm. | Các nhóm nộp phiếu học tập |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận khi phân biệt dung dịch, huyền phù và nhũ tương.  → Ngược lại với dung dịch, khi để yên một huyền phù thì hạt chất rắn sẽ lắng xuống đáy tạo một lớp cặn. Nếu để yên nhũ tương thì các chất lỏng vẫn phân bố trong nhau nhưng không đồng nhất.  *GV mở rộng:* Hỗn hợp các chất phân tán vào nhau ngoài huyền phù và nhũ tương, trong thực tế còn gặp các dạng:  Bọt là hỗn hợp không đổng nhất gồm chất khí phân tán trong môi trường chất lỏng. Ví dụ, khi rót bia hoặc nước giải khát có gas tạo ra bọt.  Sương là hỗn hợp không đồng nhất gồm các giọt nhỏ chất lỏng phân tán trong môi trường chất khí. Ví dụ: sương mù.  Bụi là hỗn hợp không đồng nhất gồm các hạt nhỏ chất rắn phân tán trong môi trường chất khí. Ví dụ: bụi phấn, bụi công trường xây dựng. | - Kết luận khi phân biệt dung dịch, huyền phù và nhũ tương.  - Ghi kết luận vào vở |

***Hoạt động 12: Luyện tập***

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: HS sử dụng bảng nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

1/ Em hãy lấy ví dụ về hỗn hợp đồng nhất và không đồng nhất?

2/ Em hãy lấy ví dụ chất tan trong dung môi này mà không tan trong dug môi khác?

3/ Hãy phân biệt hai dạng hỗn hợp : cát trong nước biển và muối trong nước biển?

c. Sản phẩm: Bảng nhóm

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Chia lớp làm 6 nhóm. Nhóm 1,2 trả lời câu hỏi 1. Nhóm 3,4 trả lời câu hỏi 2. Nhóm 5,6 trả lời câu hỏi 3  + Câu hỏi:  1/ Em hãy lấy ví dụ về hỗn hợp đồng nhất và không đồng nhất?  2/ Em hãy lấy ví dụ chất tan trong dung môi này mà không tan trong dug môi khác?  3/ Hãy phân biệt hai dạng hỗn hợp : cát trong nước biển và muối trong nước biển? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm bảng nhóm |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Chọn 3 nhóm treo sản phẩm lên bảng.  + GV phân tích , chọn phương án  1/Hỗn hợp đổng nhất: nước đường, nước muối,...  Hỗn hợp không đồng nhất: sữa đặc và nước, bột mì và nước,...  2/ Muối ăn là chất tan được trong nước nhưng không tan trong xăng hoặc dầu hoả. Ngược lại, cao su tan được trong xăng nhưng không tan trong nước.  3/Cát trong nước biển: huỵền phù.  Muối trong nước biển: dung dịch | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào trả lời đúng khuyến khích cho điểm. | - Học sinh lắng nghe |

***Hoạt động 13: Vận dụng***

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập ( giấy A4) trả lời câu hỏi trong sgk/ 79

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi: Vào mùa hè, chúng ta thường pha nước chanh đường có đá để giải khát. Theo em, nên hòa tan đường vào nước ấm rồi cho đá vào hay cho đá vào trước rồi mới hòa tan đường? | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Tiết 1 Họ và tên học sinh:…………………………… ..

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm chất tinh khiết |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm hỗn hợp |  |  |  |  |
| Phân biệt hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất |  |  |  |  |

Tiết 2 Họ và tên học sinh:…………………………… ..

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Biết khả năng hòa tan các chất rắn trong nước |  |  |  |  |
| Biện pháp hòa tan chất rắn nhanh trong nước |  |  |  |  |
| Biết khả năng hòa tan chất khí trong nước |  |  |  |  |

Tiết 3 Họ và tên học sinh:…………………………… ..

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Phân biệt dung dịch – dung môi – chất tan |  |  |  |  |
| Nêu được định nghĩa huyền phù |  |  |  |  |
| Nêu được định nghĩa nhũ tương |  |  |  |  |
| Phân biệt dung dịch, huyền phù và nhũ tương |  |  |  |  |

***E. Phụ lục***

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3  NHÓM: …… | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Ống nghiệm | Chất tan | Hiện tượng quan sát được | Giải thích |
| 1 | Muối ăn | Hỗn hợp đồng nhất | Muối tan trong nước |
| 2 | Đường | Hỗn hợp đồng nhất | Đường tan trong nước |
| 3 | Bột mì | Xuất hiện một ít bột mì lơ lửng trong nước, còn lại phần lớn lắng xuống đáy ống nghiệm. Nếu để lâu, toàn bộ bột mì sẽ từ từ lắng hết xuống đáy ống nghiệm. | Bột mì không tan trong nước |
| 4 | Cát | Lắng xuống đáy ống nghiệm | Cát không tan trong nước |
| 5 | Thuốc tím | Hỗn hợp đồng nhất, màu tím | Thuốc tím tan trong nước |
| 6 | Iodine | Chất rắn màu tím đen, lắng xuống đáy ống nghiệm. Nước vẫn trong suốt, không màu. | Iodine không tan trong nước |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5  NHÓM:…….. | | | |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Dung dịch | Huyền phù | Nhũ tương |
| Ví dụ | Nước muối | Nước cam, sữa cacao… | Sữa đặc và nước, mĩ phẩm dạng lỏng |
| Phân biệt | Chất tan hoà tan được trong dung môi, tạo thành hỗn hợp đồng nhất. | Hỗn hợp gồm các hạt rắn lơ lửng, phân tán trong môi trường lỏng. Ngược lại với dung dịch, nếu để yên huyền phù một thời gian thì các hạt chất rắn sẽ lắng xuống đáy, tạo thành một lớp cặn. | Hỗn hợp gồm một hay nhiều chất lỏng phân tán trong môi trường lỏng và thường là không hoà tan vào nhau. |

**BÀI 16 – MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lý của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.

- Trình bấy được một số phương pháp đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng cách tách đó trong thực tiễn .

- Sử dụng được một số các dụng cụ, thiết bị để tách các chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc , chiết và cô cạn.

***2. Năng lực***

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học : Tự học theo sự hướng dẫn của GV các nội dung về phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hoạt động nhóm hiệu quả, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia hoạt động và trình báo cáo .

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận nhóm hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành việc tìm hiểu các phương án tách chất ra khỏi hỗn hợp.

**- Năng lực khoa học tự nhiên**

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bầy được một số phương pháp đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các phương pháp đó.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Sử dụng được một số các dụng cụ, thiết bị đơn giản để tách các chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc , chiết và cô cạn.

+ Vận dụng được các kiến thức kĩ năng đã học: Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lý của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.

***3. Phẩm chất***

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với bản than.

- Trung thực, cẩn thận , khách quan trong thực hành.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập và khoa học tự nhiên

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop.giấy A3, bút dạ nhiều màu.phiếu học tập

- Dụng cụ: Phễu chiết, phễu, giấy lọc , đũa thủy tinh. đèn cồn, cốc TT, diêm …

Hóa chất : Sulfur, nước , muối ăn , dầu ăn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

| **Hỗn hợp/ Phương pháp** | **Lọc** | **Cô cạn** | **Chiết** |
| --- | --- | --- | --- |
| Hỗn hợp A( Muối ăn và nước) |  |  |  |
| Hốn hợp B(Cát và nước) |  |  |  |
| Hỗn hợp C( Sulfur và nước) |  |  |  |

***A. Khởi động :*** GV cho HS quan sát tranh ảnh (hoặc clip- nếu có) vềlũ lụt và hậu quả của lũ lụt làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, nước bị nhiễm mặn …và hậu quả của việc nước ô nhiểm ảnh hưởng tới sức khỏe và đời sống sinh hoạt của con người,

a. Mục tiêu: tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh hiểu được vì sao phải lọc nước tự nhiên để dùng trong sinh hoạt sinh hoạt và nước giếng.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem tranh ảnh (hoặc clip ) giới thiệu về lũ lụt và một trong những hậu quả của lũ lụt là làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt .

c. Sản phẩm: Trả lời được nguồn nước bị ô nhiểm không dùng để sinh hoạt được. Muốn dùng trong sinh hoạt thì phải lọc nước qua hệ thống lọc.

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Thông báo:*** Quan sát tranh ảnh ( hoặc clip) để trả lời câu hỏi | - Ghi nhớ yêu cầu của GV |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  ***+*** Quan sát hình ảnh trong tranh hoặc clip để đưa ra trả lời nhanh nước bị ô nhiễm có dùng trong sinh hoạt được không? Muốn sử dụng được thì chúng ta phải làm gì với nguồn nước ô nhiễm ?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 1 phút sau khi kết thúc quan sát. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Giới thiệu hoặc ***c***hiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ để trả lời câu hỏi |
| ***- Yêu cầu HS trả lời*** | - HS trả lời cá nhân |
| ***- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Các em đã đưa ra nhận định của mình về việc muốn sử nguồn nước ô nhiễm thì phải xử lí bằng một trong các cách lọc lấy nước sạch.Đây cũng là một trong các cách để tách chất ra khổi hỗn hợp, . Bài học hôm nay chúng ra sẽ tìm hiểu rõ vấn đề này | - Chuẩn bị sách vở học bài |

***B. Hình hành kiến thức mới***

**Tiết 1:**

**Hoạt động 1:Tìm hiểu hệ thống lọc nước giếng bị nhiễm phèn máy lọc nước gia đình.**

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các phương pháp tách chất có nhiều ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm nhỏ (nhóm đôi )để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: HS trả lời được dùng hệ thống lọc nước để

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:*** Quan sát hình ảnh 20.1 đến hình 20.2 thảo luận nhóm nhỏ( 2 bạn) để trả lời nội dung 1- SGK | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 nhóm nhỏ, thảo luận và hoàn thành nội dung 1. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành nội dung 1 |
| ***- Báo cáo kết quả:***  ***+*** Chọn 1 cặp đôi lên trả lời.  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***GVđưa thêm ví dụ mở rộng cho HS và đặt các câu hỏi để HS trả lời cá nhân:***  + Cho HS QS hình ảnh ( clip) về thành phẩn của máu.--> Rút ra kết luận về máu .  + Người bệnh bị thiếu tiểu cầu trong máu cần truyền tiểu cầu thì làm như thế nào?  + GV nhận xét và chốt: Máu là hỗn hợp. Người bệnh thiếu thành phần nào của máu thì phải truyền thành phần đó. Do vậy phải dùng phương pháp li tâm để tách các thành phần trong máu . | * HS quan sát và kết luận trong máu có nhiều thành phần 🡪 Máu là hỗn hợp. * HS trả lời cá nhân.: phải truyền tiểu cầu. Do đó phải lọc lấy tiểu cầu sau mới truyền. |
| ***- Tổng kết***  + Tổng hợp để đi đến kết luận về tại sao phải tách chất.  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận 🡪 ***Trong tự nhiên các chất thường tồn tại ở các dạng hỗn hợp khác nhau. Tùy vào mục dích sử dụng người ta sẽ tách các chất ra khỏi nhau theo nhiều cách khác nhau.*** | - Kết luận về tại sao phải tách chất.  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số phương pháp đơn giản tách các chất ra khỏi hỗn hợp**

a. Mục tiêu:GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề giúp HS tìm hiểu được một số phương pháp tách chất đơn giản .

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm 4 ( 2 bàn ) thảo luận theo các nội dung SGK ( phần 2)

c. Sản phẩm: Hoàn thành PHT số 1

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Một bảng nhóm  + Mỗi nhóm phân công 1 bạn ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm( PHT số 1)  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| ***- Báo cáo kết quả:***  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương pháp  + Hỗn hợp A( muối ăn và nước): là hỗn hợp lỏng đồng nhất , muối ăn ( t0 sối = 14500C)không bay hơi khi ở nhiệt độ 1000C, nước sôi bay hơi ở nhiệt độ 1000C🡪 Dùng phương pháp cô cạn sẽ tách được muối ăn ra khỏi nước.  + Hỗn hợp B( Cát với nước):là hỗn hợp không đồng nhất( huyền phù), cát không tan trong nước🡪 Dùng phương pháp lọc để tách cát ra khỏi nước.  + Hỗn hợp C( dầu ăn với nước): là hỗn hợp lỏng không đồng nhất, dầu ăn không tan trong nước, nhẹ hơn nước🡪 Dùng phương pháp chiết để tách dầu ăn. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| ***- Đánh giá***  + Mỗi câu trả lời đúng phù hợp sẽ được 3,0 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| ***- Tổng kết:*** Yêu cầu học sinh kết luận**: Một số phương pháp vật lý thường dùng để tách chất.**  **+ Phương pháp lọc: Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.**  **+ Phương pháp cô cạn : Dùng để tách chất rắn không tan ( không hóa hơi khi gặp nhiệt độ cao) ra khỏi hỗn hợp lỏng.**  **+ Phương pháp chiết: Dùng để tách các chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.** | - Kết luận về một số phương pháp vật lý thường dùng để tách chất.  - Ghi kết luận vào vở. |

**Tiết 2:**

**Hoạt động 3: Thực hành tách chất**

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trong SGK sau đó thực hành thí nghiệm như SGK

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm trả lời các nội dung 5,6,7,8,9 SGK và làm TN

c. Sản phẩm: Làm thí nghiệm tách được sulfur, muối ăn, dầu ăn ra khỏi hỗn hợp với nước

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  +Lớp chia 3 nhóm: Mỗi nhóm làm cả 3 TN: quan sát mẫu , trả lời câu hỏi vào bảng nhóm , lắp ráp dụng cụ và làm TN như hình vẽ SGK. | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.  + Uốn nắn HS về các thao tác TN.  + Cẩn thận khi thao tác với đèn cồn.  \*Phương pháp lọc : H20.3  - Sulfur: không tan trong nước🡪 Sử dụng phương pháp lọc để tách sulfur ra khỏi hỗn hợp với nước.  - Dụng cụ: Phễu lọc, kẹp , đũa thủy tinh, cốc thủy tinh, bình tam giác.  \*Phương pháp cô cạn:H20.4  - Muối ăn là chất rắn tan trong nước , không bị hóa hơi khi đun nóng ở nhiệt độ cac ( > 1000C) 🡪 Dùng phương pháp cô cạn thu được muối ăn.  - Dụng cụ : Bát sứ , đèn cồn , kiềng ,diêm.  \*Phương pháp chiết:H20.5  -Dâu ăn nhẹ hơn nước và không tan trong nước, nổi trên nước🡪 Dùng phương pháp chiết để tách dầu ăn.  - Dụng cụ: giá kẹp , phễu chiết, cốc thủy tinh. | * HS chú ý tiếp thu   - HS trả lời câu hỏi và làm TN |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Các nhóm mang kết quả TN để GV KT và để các nhóm khác cùng quan sát | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| ***- Tổng kết:***  + Đánh giá được nhóm nào trả lời đúng , làm TN đúng quy trình , thành công🡪. Khen ngợi học sinh  + **GV chốt và ghi KL: Các phương pháp lọc , chiết , cô cạn là các phương pháp đơn giản để tách các chất ra khỏi hỗn hợp. Tùy vào tính chất của các hỗn hợp mà lựa chọn phương pháp tách phù hợp** | - Học sinh lắng nghe   * HS ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi liên qua thực tế

b. Nội dung: Phương pháp để tách dâu hỏa , bột sắn ( bột mì) ra khỏi hỗn hợp với nước .

c. Sản phẩm: Phương án trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| ***- Giao nhiệm vụ:***  + Trả lời câu hỏi SGK và GV đưa ra  ? Dùng phương pháp nào để giúp bạn học sinh tách dầu hỏa ( xăng) ra khỏi hỗn hợp với nước?  ? Làm cách nào để tách được bột sắn dây( bột mì) ra khỏi hỗn hợp với nước | - Nhận nhiệm vụ |
| ***- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:***  ***+*** Thực hiện tại nhà: tách bột sắn dây  ( bột mì) ra khỏi hỗn hợp với nước,  + GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| ***- Báo cáo kết quả:***  + Tiết học tiếp theo báo cáo cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

***C. Dặn dò***

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT - Chuẩn bị bài 21: Ôn tập chủ đề 5 – SGK tr 95

***D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được các phương pháp tách chất đơn giản |  |  |  |  |
| Làm thực hành thí nghiệm |  |  |  |  |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 5**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống hoá kiến thức về chất, dung dịch.

- Vận dụng giải một số bài tập trong chủ đề.

**2. Về năng lực**:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề sáng tạo thông qua việc giải bài tập trong SGK.

- Năng lực KHTN: Hệ thống hoá kiến thức về chất tinh khiết, hỗn hợp và dung dịch.

**3. Về phẩm chất**:

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3,  bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Nhóm: ………………..





**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Nhóm: ………………..

Bài 1: Sữa magie (magnesium hydroxide lơ lửng trong nước) được dùng làm thuốc trong y học để chữa bệnh khó tiêu, ợ chua. Sữa magie thuộc loại

A. dung dịch. B. huyền phù.

c. nhũ tương. D. hỗn hợp đồng nhất.

Bài 2: Em có biết để làm sạch nước bể bơi, ngoài biện pháp dùng hóa chất người ta còn dùng biện pháp nào khác mà không sử dụng hoá chất?

Bài 3: Có một hỗn hợp gồm muối ăn và cát. Em hãy đề xuất cách tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp. Em sử dụng được cách làm trên dựa vào sự khác nhau nào về tính chất giữa chúng?

Bài 4: Mứt dừa là một món ăn ngon và bổ dưỡng, đặc biệt rất phổ biến trong dịp tết cổ truyền của dân tộc. Nguyên liệu khá đơn giản và dễ làm. Các bước thực hiện như sau:

*Bước 1:* Tạo cùi dừa (cơm dừa).

*Bước 2:* Tẩm cùi dừa với nước đường được hỗn hợp cùi dừa và nước đường.

*Bước 3:* Đun hỗn hợp cùi dừa và nước đường với lửa nhỏ. Đảo đều tay hỗn hợp đến khi đường cạn, bám trắng vào dừa.

*Bước 4:* Trình bày sản phẩm lên đĩa.

Trong bước 3, chúng ta đã sử dụng phương pháp nào để tách đường ra khỏi hỗn hợp nước đường? Giải thích.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Nhóm: ………………..

**Câu hỏi**: Bột sắn dâỵ là tinh bột thu được từ củ sắn dâỵ, bột sắn dâỵ là loại đồ uống giải khát có nhiều tác dụng đối với sức khoẻ. Ngoài ra bột sắn dâỵ còn là các vị thuốc, bài thuốc chữa được nhiều bệnh. Để thu được bột sắn đây, đầu tiên củ sắn dây được rửa sạch, cạo hết lớp vỏ bên ngoài rồi xay nhuyễn với nước, thu được hỗn hợp màu nâu.

Hỗn hợp này được thêm nước, khuấỵ kĩ rồi lọc nhiều lẩn qua các lớp vải để loại hết bã xơ và thu phẩn nước lọc thô chứa tinh bột. Từ nước lọc thô, tiến hành đánh bột với nước cho tan và đợi lắng, sau đó chắt bỏ nước và thay nước. Quá trình này được lặp lại nhiều lần (khoảng 6-20 lẩn tuỳ nhu cầu sử dụng) với số lớp vải lọc tăng dần để tách bỏ hoàn toàn tạp chất và cho ra được lớp bột trắng tinh khiết. Tinh bột thu được sẽ được giàn mỏng ra lớp vải đặt trên dàn phơi bằng tre, để ráo nước. Sau đó, tinh bột sắn được đưa vào các tủ sấỵ chuyên dụng hoặc đem phơi nắng cho đến khi bột khô.



**Củ sắn dây**

| Củ sắn dây | Bột sắn dây | Bột sắn dây pha với nước |
| --- | --- | --- |

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. Khởi động bài học:**

**Hoạt động 1: Chơi trò chơi: "Tôi biết"**

**a. Mục tiêu**: GV đưa ra tình huống để HS giải quyết trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung**: GV tổ chức cho HS nêu được những khái niệm đã học trong chủ đề 5.

Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: HS trả lời câu hỏi định hướng(bảng ghi lại kết quả sắp xếp của HS)

**d. Tổ chức thực hiện**:

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **Thông báo luật chơi**: HS trả lời câu hỏi.  Mỗi HS nêu 1 KN, nếu đúng được mời 1 HS khác tiếp theo.  Câu trả lời của HS là kiến thức đã học về chất, chất tinh khiết, hỗn hợp, hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất, dung dịch, **huyền phù, nhũ tương**  …  Các nhóm đánh giá lẫn nhau để cho điểm từng nhóm. | Ghi nhớ luật chơi |
| **Giao nhiệm vụ:** Nêu được khái niệm về chất tinh khiết, hỗn hợp…  Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 2 phút. | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**: Chiếu clip để HS quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | Thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thành nội dung định hướng |
| **Chốt lại và đặt vấn đề vào bài**: Các em đã đưa ra khái niệm đã học ở chủ đề 5. Bài học hôm nay chúng ta sẽ hệ thống lại nội dung trong chủ đề. | Chuẩn bị sách, vở học bài mới. |

**B. Hình thành kiến thức mới:**

**1. Kiến thức cần nhớ**

**Hoạt động 2: Hệ thống hoá kiến thức**

**a. Mục tiêu**: Hệ thống được chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, phương pháp tách chất bằng sơ đồ tư duy.

**b. Nội dung**: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**d. Tổ chức thực hiện**:

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ:**  - Trên phiếu học tập có sơ đồ câm thể hiện các chất đã học trong chủ đề 5.  - Mỗi nhóm phân công các bạn tìm hiểu SGK phần kiến thức cần nhớ và ghi nhận định của mình vào sơ đồ trống.  - Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm. | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**: GV quan sát hỗ trợ các nhóm khi cần thiết. | Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm và thực hiện nhiệm vụ. |
| **Báo cáo kết quả:**  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả ( các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án).  - Mời nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, bổ sung. | - Nhóm được chọn lên trình bày báo cáo  - Nhóm khác nhận xét , bổ sung. |
| **Đánh giá:**  - Mỗi nội dung ghi đúng được 0,75 điểm.  - Yêu cầu HS chấm điểm cho các nhóm.  - GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm cho HS. | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn và báo cáo điểm cho nhóm bạn. |
| **Tổng kết**:  - Yêu cầu HS kết luận về kiến thức cần nhớ trong chủ đề 5. | - Kết luận kiến thức cần nhớ.  - Ghi kết luận vào vở. |

**2. Bài tập.**

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trong SGK.

**b. Nội dung**: HS chơi trò chơi: **“ Giải mật thư”** để giải lần lượt các bài tập trong phiếu học tập 2.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập 2.

**d. Tổ chức thực hiện**:

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **Thông báo luật chơi**:  - Vòng 1: Các nhóm sẽ lần lượt giải các mật thư.  + Mỗi mật thư là 1 bài tập.( gồm 4 bài tập trong phiếu số 2)  + Cách chơi: Giống như TC giải mật thư trong TRÒ CHƠI LỚN.  - Nhóm nào hoàn thành tất cả các mật thư sớm nhất, gv sẽ xướng tên chúc mừng. Và dành thời gian để cả nhóm cùng xem lại và hướng dẫn cho nhau những BT đã giải.  -Vòng 2: Các đại diện lên bảng trình bày bài giải. Các nhóm còn lại dưới lớp cũng giải lại vào vở. | Ghi nhớ luật chơi |
| **Giao nhiệm vụ:**  Giải mật thư ( Phiếu học tập 2) | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**: | Thảo luận. Hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| **Báo cáo kết quả:**  - Chọn các nhóm lên bảng trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét, sửa chữa và hoàn thiện.  - GV nhận xét sau khi các nhóm có ý kiến bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả học tập.  - Nhóm khác nhận xét phần trình bày của nhóm bạn. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS biết vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi thực tế.

**b. Nội dung**: HS trả lời câu hỏi về cách làm bột sắn dây trong SBT( BT 3).

**c. Sản phẩm**: Phiếu trả lời câu hỏi của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **Giao nhiệm vụ:**  Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, giờ sau nộp lại cho GV.  Câu hỏi: Phiếu học tập 3 | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**: Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết. | Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| **Báo cáo kết quả:**  Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV. |  |

**C. Dặn dò**

- HS làm bài tập SGK, SBT.

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp.

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

Kết thúc bài học GV cho HS tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên HS:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

|  | Tốt | Khá | TB | Yếu |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Hệ thống được kiến thức cần nhớ. |  |  |  |  |
| Giải được các bài tập trong chủ đề |  |  |  |  |

